

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP

**CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHỆ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ  
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM  
TỪ THỰC TIỄN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT  
HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP

**CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHỆ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ  
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM  
TỪ THỰC TIỄN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số: 8380104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. TRẦN THỊ QUANG VINH

HÀ NỘI, năm 2018

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu kết quả trong luận văn là trung thực và chưa được công bố trong bất cứ công trình nào khác, các trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính trung thực và tin cậy. Học viên đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Học viện Khoa học xã hội.

**Tác giả luận văn**

**NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                                        |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>MỞ ĐẦU .....</b>                                                                                                                                                                                                    | <b>1</b>  |
| <b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LẬP PHÁP HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ .....</b>                                                                                                 | <b>5</b>  |
| 1.1. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.....                                                                                                                                   | 5         |
| 1.2. Khái quát lập pháp hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đến trước khi ban hành bộ luật hình sự 2015.....                                                                                         | 15        |
| <b>Tiểu kết Chương 1.....</b>                                                                                                                                                                                          | <b>22</b> |
| <b>Chương 2: CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....</b>                                           | <b>23</b> |
| 2.1. Quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự .....                                                                                                                                | 23        |
| 2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh .....                                                                                         | 47        |
| <b>Tiểu kết Chương 2.....</b>                                                                                                                                                                                          | <b>64</b> |
| <b>Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ .....</b>                                                                                            | <b>65</b> |
| 3.1 Yêu cầu áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự .....                                                                                                                                                   | 65        |
| 3.2 Đánh giá tổng quan những bất cập trong quy định của Bộ luật Hình sự 2015 và những vướng mắc sai sót trong thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh..... | 65        |
| 3.3. Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.....                                                                                                                                   | 68        |
| 3.4. Các giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.....                                                                                                             | 69        |
| <b>Tiểu kết Chương 3.....</b>                                                                                                                                                                                          | <b>76</b> |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>                                                                                                                                                                                                  | <b>77</b> |
| <b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                                                                                                                                                                     |           |

## **DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU**

|                                                                                                                                                     |    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <b>Bảng 2.1:</b> Số liệu thống kê tình hình giải quyết các vụ án hình sự từ năm 2013-2017 và 6 tháng đầu năm 2018 tại TAND quận Gò Vấp TP.HCM. .... | 52 |
| <b>Bảng 2.2:</b> Khảo sát các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được áp dụng theo khoản 1 điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009).....                   | 53 |
| <b>Bảng 2.3:</b> Khảo sát các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được áp dụng theo khoản 1 điều 51 BLHS 2015.....                                           | 54 |
| <b>Bảng 2.4:</b> Khảo sát các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được Tòa án tùy nghi áp dụng.....                                                          | 61 |

## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|               |                     |
|---------------|---------------------|
| <b>BLHS :</b> | Bộ luật Hình sự     |
| <b>HDXX :</b> | Hội đồng xét xử     |
| <b>PLHS :</b> | Pháp luật hình sự   |
| <b>TAND :</b> | Tòa án nhân dân     |
| <b>TNHS :</b> | Trách nhiệm hình sự |

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Theo PLHS Việt Nam thì khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS. Như vậy, các tình tiết giảm nhẹ TNHS là một trong những căn cứ để Tòa án quyết định hình phạt. Các tình tiết này đóng vai trò vô cùng quan trọng thể hiện chính sách nhân đạo xã hội chủ nghĩa, góp phần đảm bảo công bằng xã hội đảm bảo phát huy mục đích của hình phạt được ghi nhận tại Điều 27 BLHS 1999 và tiếp tục ghi nhận tại khoản 1 Điều 31 BLHS 2015 như sau “Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm”.

Như vậy, chúng ta không thể phủ nhận tầm quan trọng của các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định trong PLHS. Tuy nhiên, thực tiễn khi vận dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS còn nhiều sai sót, thiếu chính xác mà chưa đi đến thống nhất, từ quy định pháp luật cho đến nhận thức của chủ thể áp dụng. Do đó, vấn đề nghiên cứu để nắm bắt lý luận và thực tiễn áp dụng thống nhất về các tình tiết giảm nhẹ TNHS là vấn đề đáng được lưu tâm và mang lại hiệu quả tích cực, từ đó góp phần đảm bảo chất lượng áp dụng PLHS cũng như tinh thần và yêu cầu của cải cách tư pháp. Chính những lý do trên, đồng thời dựa trên các công trình nghiên cứu trước đó, những quy định của pháp luật hình sự, cũng như dựa trên các phán quyết của Tòa án quận Gò Vấp mà tác giả lựa chọn đề tài luận văn Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo PLHS Việt Nam từ thực tiễn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để làm đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sĩ Luật học.

### **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài**

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là một trong những chế định nhận được nhiều sự quan tâm của các chuyên gia nghiên cứu pháp luật hình sự. Bằng chứng cho thấy có rất nhiều công trình nghiên cứu khoa học về đề tài này:

Nhóm các công trình nghiên cứu cơ bản Bộ luật Hình sự trong đó có đề cập các tình tiết giảm nhẹ TNHS: “Tội phạm học, Luật hình sự và Tổ tụng hình sự” (1994) của Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật; “Luật hình sự Việt Nam. Quyển 1” (2000) của GS.TSKH Đào Trí Úc; “Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 phần chung” (2000) của Ths.Đinh Văn Quế; v.v...

Nhóm các công trình nghiên cứu thực trạng, khó khăn khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS: “Định tội danh và quyết định hình phạt (2007) của TS.Dương Tuyết Miên, “Những hạn chế trong các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng khắc phục”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 16, tr.2 - 4, 9 (2008) của Hồ Sỹ Sơn; “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội” (2005) của TS. Trần Thị Quang Vinh.v.v...

Các công trình nghiên cứu nêu trên là nền tảng vững chắc để các tư tưởng, lý luận của luận văn nghiên cứu sau này tham khảo và kế thừa một cách có chọn lọc – điển hình là luận văn của chính tác giả. Với góc độ nghiên cứu ở phạm vi khá hẹp, trên cơ sở quan điểm của các nhà nghiên cứu trước đó, tác giả sẽ đưa ra quan điểm của mình dựa trên số liệu thống kê được từ thực tiễn xét xử của một địa phương – thực tiễn xét xử Tòa án quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Dưới góc độ nghiên cứu của đề tài này, cùng với nỗ lực của tác giả, hy vọng sẽ làm phong phú và sáng tỏ các vướng mắc trong hoạt động áp dụng pháp luật. Đồng thời sẽ là tài liệu bổ ích cho các chủ thể nghiên cứu lẫn chủ thể thực thi pháp luật hình sự.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

Mục đích của luận văn là làm phong phú một số vấn đề lý luận về Các tình tiết giảm nhẹ TNHS dưới góc độ chuyên ngành Luật Hình sự và đánh giá thực tiễn áp dụng trên địa bàn quận Gò Vấp. Từ đó, luận văn đưa ra định hướng hoàn thiện pháp luật hình sự hiện hành cũng như đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định Các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Để đạt được mục đích như trên, luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

Một là, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hai là, đánh giá thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ba là, đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự và các giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

#### **4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Quy định của PLHS Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ TNHS và thực tiễn áp dụng trên địa bàn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm vi nghiên cứu: Đề tài luận văn nghiên cứu dưới góc độ chuyên ngành của Luật Hình sự.

Phạm vi về thời gian và không gian nghiên cứu: Từ thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quận Gò Vấp của ngành Tòa án trong phạm vi 05 năm từ năm 2013 đến năm 2017.

Do có sự chuyển giao từ giữa hai bộ luật BLHS 1999 – BLHS 2015, nên tại thời điểm nghiên cứu luận văn khảo sát chủ yếu thực tiễn áp dụng Các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo BLHS 1999, đồng thời cũng khảo sát thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo BLHS 2015 (6 tháng đầu năm 2018).

#### **5. Cơ sở lý luận**

Luận văn sử dụng phương pháp luận chung nhất, phổ biến cho hoạt động nghiên cứu khoa học là triết học Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời luận văn nghiên cứu dựa trên nhiều góc độ khác nhau, dựa trên nghiên cứu một cách tổng thể nhất các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Hiến pháp, Bộ luật hình sự các năm cũng như giáo trình luật hình sự của

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh cùng với các bài viết, tạp chí khoa học về nghiên cứu pháp luật hình sự Việt Nam.

Luận văn dựa trên những quan điểm cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam và các phương pháp thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp ... để đưa ra cái nhìn toàn diện nhất về các quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó, phát hiện ra những điểm tiến bộ cũng như những điểm chưa tiến bộ của chế định các tình tiết giảm nhẹ TNHS, kiến nghị giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

Không thể phủ nhận ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn mà luận văn mang lại:

Ý nghĩa lý luận: Thông qua những vấn đề mà luận văn đề cập, phân tích. Các chế định “tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” được thể hiện rõ nét hơn, đa chiều hơn. Góp phần làm phong phú hơn những vấn đề lý luận về Các tình tiết giảm nhẹ TNHS từ thực tiễn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ý nghĩa thực tiễn: Đây là nguồn tư liệu tham khảo cho cán bộ thực thi pháp luật. Đồng thời là công trình tuyên truyền pháp luật cho người dân.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, và danh mục các chữ viết tắt, tài liệu tham khảo, luận văn có cơ cấu làm 03 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và lập pháp hình sự Việt Nam về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Chương 2: Các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thực tiễn áp dụng tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ LẬP PHÁP HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHỆ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

### 1.1. Khái niệm, ý nghĩa và phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

#### 1.1.1 Khái niệm, các đặc điểm và ý nghĩa của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

##### **Khái niệm:**

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thuật ngữ khá phổ biến trong pháp luật hình sự và có vai trò quan trọng trong quyết định hình phạt. Tuy nhiên các bộ luật hình sự cũng như các văn bản pháp luật hình sự khác từ trước đến nay chưa có khái niệm cụ thể về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Trong khoa học pháp lý cũng tồn tại những quan điểm khác nhau về vấn đề này và chưa có sự thống nhất, đồng bộ để đưa ra một khái niệm được áp dụng chung.

Từ điển pháp luật hình sự lý giải thuật ngữ “tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” là *“tình tiết ảnh hưởng đến mức độ trách nhiệm hình sự của trường hợp phạm tội cụ thể theo hướng làm giảm xuống so với trường hợp bình thường”* [15, tr.240]. Trên phương diện phân tích ngôn ngữ tiếng Việt, thuật ngữ “tình tiết” được hiểu là sự việc nhỏ trong quá trình diễn biến của sự kiện, tâm trạng [42, tr.997], còn thuật ngữ “giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” được hiểu là việc miễn, giảm tác động cưỡng chế hình sự thuộc nội dung của TNHS. Căn cứ theo cách hiểu trên những tình tiết của tội phạm trong một vụ án mà làm giảm bớt mức độ TNHS của tội phạm cụ thể so với bình thường có thể coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Theo Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phân chung của Trường Đại học luật Thành phố Hồ Chí Minh thì: *“Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là những tình tiết không có ý nghĩa về mặt định tội, định khung hình phạt mà chỉ có tác dụng làm giảm mức độ trách nhiệm hình sự trong phạm vi một khung hình phạt nhất định. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự không được quy định trong các điều khoản của Phần các tội phạm như các tình tiết định tội, định khung hình phạt mà được quy định riêng tại Điều 46 BLHS”* [36, tr.315]. Quan điểm trên giới hạn

các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là làm giảm mức độ trách nhiệm hình sự trong một khung hình phạt, đồng thời căn cứ vào cơ sở pháp lý để Tòa án áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Cũng đưa ra khái niệm về vấn đề này, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung) của Trường Đại học Huế do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên có nêu: “*Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc khi quyết định hình phạt là những tình tiết khác nhau về tội phạm đã thực hiện, về thân nhân người phạm tội được quy định cụ thể trong luật hoặc không được quy định cụ thể trong luật nhưng được Tòa án cân nhắc với ý nghĩa làm giảm trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người phạm tội*”[35, tr.423]. Nếu như khái niệm của Giáo trình đại học Luật Thanh phố Hồ Chí Minh dựa trên đặc trưng pháp lý thì quan niệm này nêu ra cơ sở phân nhóm các tình tiết giảm nhẹ dựa trên quy định của pháp luật, dựa trên các yếu tố của tội phạm liên quan đến các tình tiết nhưng không đề cập đến điều luật quy định cụ thể. Nhìn chung, ý nghĩa giảm nhẹ TNHS của các tình tiết luôn được chú trọng.

Quan điểm của GS.TSKH Lê Cẩm và TS.Trịnh Tiến Việt khá chi tiết: “*Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết được quy định trong Phần chung Bộ luật Hình sự với tính chất là tình tiết giảm nhẹ chung hoặc là tình tiết do Tòa án tự xem xét, cân nhắc và ghi rõ trong bản án (Nếu trong vụ án hình sự không có tình tiết này), đồng thời là một trong những căn cứ để cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền và Tòa án tùy thuộc vào giai đoạn tố tụng hình sự tương ứng cá thể hoá trách nhiệm hình sự và hình phạt của người phạm tội theo hướng giảm nhẹ hơn trong phạm vi một khung hình phạt*”[3, tr.16].

Theo TS. Trần Thị Quang Vinh: “*Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là những tình tiết của vụ án hình sự, liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm hình sự, có ý nghĩa làm giảm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, phản ánh khả năng cải tạo tốt hoặc hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng và giá trị giảm nhẹ của chúng chưa được ghi nhận trong chế tài* [43, tr.45]. Khái niệm này bao hàm các yếu tố rộng hơn giá trị giảm nhẹ hình phạt trong một khung hình

phạt như khá nhiều cách hiểu về tình tiết giảm nhẹ TNHS hiện nay và đưa ra nhiều khía cạnh về giá trị giảm nhẹ.

Đa phần các quan điểm đều định nghĩa tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự dựa trên bản chất pháp lý, phạm vi áp dụng của các tình tiết giảm nhẹ TNHS, mục đích, ý nghĩa áp dụng.v.v... Mỗi quan điểm đều có những đóng góp tích cực cũng như những mặc hạn chế nhất định. Nhìn chung các quan điểm dựa theo quy định của pháp luật chỉ thể hiện được một dạng của các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà chưa thể hiện được toàn diện nội dung, bản chất của chúng và dễ dẫn đến lỗi thời khi có sự thay đổi pháp luật. Các quan điểm giới hạn nội dung các tình tiết giảm nhẹ trong một khung hình phạt lại chưa thực sự bao quát các trường hợp phản ánh phạm vi ảnh hưởng của tình tiết giảm nhẹ TNHS. Mặc khác những quan điểm tập trung vào bản chất, đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ lại mang tính khái quát, toàn diện hơn.

Dựa trên sự phân tích về thuật ngữ cùng với các quan điểm nghiên cứu tiêu biểu, xem xét một cách khái quát các quan điểm để rút ra bản chất của các tình tiết giảm nhẹ TNHS, người viết đồng tình với quan điểm mang tính khái quát của GS. TS Võ Khánh Vinh: *“Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc khi quyết định hình phạt là những tình tiết khác nhau về tội phạm đã thực hiện, về thân nhân người phạm tội được quy định cụ thể trong luật hoặc không được quy định cụ thể trong luật nhưng được Tòa án cân nhắc với ý nghĩa làm giảm trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với người phạm tội”* [35, tr.423].

### **Đặc điểm của các tình tiết giảm nhẹ TNHS:**

Thông qua tìm hiểu về khái niệm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có thể rút ra một số đặc điểm cơ bản:

*Thứ nhất, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có liên quan đến việc giải quyết trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội*

Đây là đặc điểm quan trọng thể hiện bản chất của tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giới hạn phạm vi của các tình tiết giảm nhẹ trong việc giải quyết vụ án hình sự. Trong thực tiễn, tội phạm diễn ra ngày một phức tạp, một vụ án có thể có nhiều tình tiết liên quan. Ngoài những tình tiết đã được dùng để định tội hay định

khung hình phạt, những tình tiết có ảnh hưởng đến tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm theo hướng giảm đi mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi, sẽ là căn cứ để giảm trách nhiệm hình sự cho người phạm tội.

*Thứ hai, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có ý nghĩa giảm nhẹ mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, phản ánh khả năng cải tạo tốt của người phạm tội hoặc phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng.*

Đặc điểm này thể hiện rõ giá trị của các tình tiết giảm nhẹ trong quyết định hình phạt, phản ánh mức độ ảnh hưởng của tình tiết giảm nhẹ đối với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Giá trị của các tình tiết giảm nhẹ có thể hình dung rõ ràng trong sự so sánh với các trường hợp phạm tội khác mà không có tình tiết giảm nhẹ.

*Thứ ba, các tình tiết giảm nhẹ TNHS chưa được quy định cụ thể giá trị giảm nhẹ TNHS trong chế tài.*

Đây cũng là cơ sở để các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng để cá thể hóa hình phạt và phân biệt với các tình tiết định tội, định khung giảm nhẹ.

Việc xác định các tình tiết giảm nhẹ TNHS góp phần làm cho hình phạt được tuyên phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Giá trị của các tình tiết giảm nhẹ TNHS sẽ còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố cá biệt cho từng trường hợp khác nhau. Mỗi tình tiết có ý nghĩa khác nhau, sự ảnh hưởng đến tính nguy hiểm cho xã hội, đến quyết định hình phạt dĩ nhiên cũng sẽ có sự khác biệt. Có tình tiết thì ảnh hưởng rất lớn đến việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho hầu hết trường hợp phạm tội nhưng có tình tiết thì ảnh hưởng ít hơn. Có tình tiết chỉ có ý nghĩa đáng kể tội phạm này nhưng với tội phạm khác thì lại hạn chế.

Giá trị giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ TNHS chưa được quy định cụ thể, mức độ ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ đến đâu, mỗi tình tiết sẽ được giảm nhẹ thế nào đều không được quy định theo một tiêu chuẩn cụ thể nào, mà do Tòa án có trách nhiệm cân nhắc, xem xét. Trong khi các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định cụ thể trong phần chung của BLHS, trong các văn bản hướng dẫn,

hoặc theo quy định mở cho theo sự xem xét của Tòa án, thì các tình tiết được dùng làm giá trị định tội, định khung được quy định trong các tội danh cụ thể. Đồng thời khi xem xét các tình tiết liên quan cần lưu ý ưu tiên xem xét các tình tiết này có được dùng để định tội, định khung hay chưa. Tình tiết nào đã được quy định là tình tiết định tội và định khung thì không thể xem là tình tiết giảm nhẹ, điều này chứng tỏ tình tiết giảm nhẹ không được sử dụng hai lần trong cùng một bản án. Ví dụ: tình tiết “phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” là một tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên, trong tội Giết người do vượt quá phòng vệ chính đáng (Đ.126 BLHS) thì tình tiết này là tình tiết định tội và giá trị giảm nhẹ TNHS của nó đã được ghi nhận trong chế tài.

***Ý nghĩa của các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự***

***Ý nghĩa trong việc thực hiện các nguyên tắc của PLHS:***

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS là biểu hiện của nguyên tắc các nguyên tắc công bằng, phân hóa TNHS, nhân đạo của PLHS.

Công bằng thể hiện ở giá trị của các tình tiết giảm nhẹ TNHS giúp cho việc quyết định hình phạt được phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của từng tội phạm.

Khi áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS vào quá trình giải quyết TNHS của người phạm tội, không phải bất kì tình tiết nào cũng có vai trò như nhau với mức độ giảm nhẹ TNHS riêng biệt. Không phải bất kì trường hợp nào cùng một tội phạm cũng chịu mức hình phạt như nhau và không phải mọi trường hợp bị kết án đều áp dụng hình phạt.

Qua đó cũng cho thấy một trong những tinh thần chủ đạo của Nhà nước là chính sách nhân đạo trong việc áp dụng pháp luật hình sự kết hợp giữa “ng nghiêm trị với khoan hồng”, “trừng trị với giáo dục”. Từ đó cũng khơi gợi lòng hướng thiện của những người lầm đường lạc lối được nhận sự khoan hồng, hướng đến những giá trị tích cực hơn.

***Ý nghĩa trong việc áp dụng PLHS:***

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS có ý nghĩa quan trọng trong việc áp dụng PLHS,

là một trong những căn cứ để giải quyết đúng TNHS. Những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là cơ sở để nhìn nhận đúng đắn bản chất tội phạm, khả năng cải tạo, giáo dục người phạm tội. Qua đó có sự khách quan, toàn diện, mềm dẻo trong quyết định hình phạt, xét xử đúng người đúng tội, thấu tình đạt lý.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng là một trong những cách thức để đạt được mục đích của hình phạt. Theo điều 31 BLHS 2015: *“Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm”*. Mục đích của hình phạt đạt được khi đảm bảo người phạm tội chịu trách nhiệm tương ứng với tính chất, mức độ tội phạm gây ra chứ không đơn thuần là trừng trị người phạm tội. Đồng thời qua các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng cho thấy cơ sở để cân nhắc khả năng cải tạo, tái hòa nhập cộng đồng của người phạm tội.

Bên cạnh việc quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS cụ thể trong PLHS, sự cho phép công nhận những tình tiết khác luật định tạo thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật, góp phần hạn chế sự bất cập trong trường hợp pháp luật chưa tiên liệu được, qua đó góp phần vào công cuộc xây dựng, hoàn thiện pháp luật trong tương lai.

#### *1.1.2 Phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*

Trong khoa học pháp lý và thực tiễn xét xử, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có sự đa dạng, phức tạp khi xem xét, áp dụng. Vấn đề phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự là cần thiết, bởi vì ý nghĩa quan trọng của nó về cả mặt lý luận lẫn thực tiễn.

Thông qua việc phân loại tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo từng nhóm, nhằm hệ thống hóa các nội dung của tình tiết giảm nhẹ theo một trật tự nhất định, phù hợp với từng tình chất, đặc điểm của từng tình tiết. Điều này giúp chúng ta có sự thống nhất trong nhận thức, có cơ sở để xem xét thế nào là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phân biệt với các tình tiết khác.

Sự hiểu rõ về những tính chất, đặc điểm của từng nhóm tình tiết cũng góp phần tạo thuận lợi cho công tác nghiên cứu, áp dụng, thông qua việc rút ra những phương pháp phù hợp cho từng nhóm. Qua đó cho thấy khả năng dự báo thêm những tình tiết mới hoặc loại trừ các tình tiết không còn phù hợp một cách thuận tiện hơn, góp phần hoàn thiện pháp luật áp dụng.

Hiện nay có nhiều quan điểm của các nhà nghiên cứu về vấn đề phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên cũng khó có thể có sự thống nhất tuyệt đối, đồng bộ. Nhìn chung, cách thức phân loại nào cũng chỉ mang tính tương đối, bên cạnh những giá trị tích cực đều có những vướng mắc, hạn chế nhất định. Cho nên vấn đề cốt yếu là dựa vào ý nghĩa của việc phân loại, hướng tới mục đích chung. Có thể nói vấn đề phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là cần thiết.

Trong phạm vi nghiên cứu đề tài, chúng tôi chọn phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo những căn cứ như sau:

Thứ nhất, phân loại dựa theo dấu hiệu các yếu tố của tội phạm;

Thứ hai, phân loại theo quy định của pháp luật hình sự.

### ***Phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo dấu hiệu các yếu tố của tội phạm***

Tội phạm được cấu thành từ nhiều yếu tố khác nhau trong đó ngoài những tình tiết được sử dụng để định tội danh, định khung hình phạt cũng có những tình tiết được áp dụng để giảm nhẹ, tăng nặng TNHS. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có mối quan hệ chặt chẽ, trực tiếp đến những yếu tố cấu thành nên tội phạm, là những tình tiết xuất phát từ các yếu tố ấy. Ta có thể phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự dựa trên căn cứ này.

#### ***Các tình tiết giảm nhẹ thuộc mặt khách quan của tội phạm***

Mặt khách quan của tội phạm là tổng hợp những biểu hiện của tội phạm diễn ra và tồn tại bên ngoài thế giới khách quan. Các dấu hiệu thuộc mặt khách quan tiêu biểu là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ

nhân quả giữa hành vi và hậu quả, cùng với các điều kiện bên ngoài khác của tội phạm như (công cụ, phương tiện, thời gian, địa điểm...).

Các yếu tố của mặt khách quan có tác động đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. *“Tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi khách quan phụ thuộc vào tính chất của của quan hệ xã hội mà hành vi xâm hại cũng như vào tính chất và mức độ thiệt hại gây ra hoặc đe dọa cho quan hệ xã hội đó”* [34, tr.104]. Có những biểu hiện của mặt khách quan không phải lúc nào cũng được thể hiện là những dấu hiệu định tội, định khung, mà có thể có những tình tiết biểu hiện có vai trò là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự dựa trên cơ sở về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của các yếu tố khách quan. Ví dụ, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dẫn đến phạm tội có thể không phải là yếu tố định tội, nhưng là yếu tố phần nào tác động đến người phạm tội, biểu hiện mức độ thực hiện tội phạm với tính chất ít nghiêm trọng, giúp ta có thể nhìn nhận bản chất tội phạm theo hướng giảm nhẹ hơn. Còn đối với các tình tiết liên quan đến mức độ hậu quả, tác hại của tội phạm thì các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì có thể kể đến trường hợp phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn.

#### *Các tình tiết giảm nhẹ thuộc mặt chủ quan của tội phạm*

Mặt chủ quan của tội phạm là trạng thái tâm lý bên trong của người phạm tội, bao gồm các yếu tố chính là lỗi, động cơ, mục đích phạm tội.

Cũng tương tự như mặt khách quan, các yếu tố liên quan đến mặt chủ quan của tội phạm có thể là dấu hiệu định tội, định khung, cũng có thể xuất hiện với tư cách là tình tiết giảm nhẹ TNHS. Các yếu tố thuộc mặt chủ quan cũng có ảnh hưởng lớn đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc mặt chủ quan của tội phạm thông thường là những trạng thái tâm lý không hoàn toàn do bản thân người phạm tội mong muốn như trường hợp phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra; người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; phạm tội

trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra...

*Các tình tiết giảm nhẹ thuộc về nhân thân người phạm tội:*

Yếu tố nhân thân người phạm tội, là *tổng hợp những đặc điểm riêng biệt nói lên tính chất của một con người* [4, tr.384], thường được xem là dấu hiệu để căn cứ trong quyết định hình phạt, ngoài ra còn có thể xem là căn cứ phân loại tình tiết giảm nhẹ TNHS. Những đặc điểm mang tính chất cá biệt ấy có thể là các đặc điểm về độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, địa vị xã hội, hoàn cảnh sống... Ví dụ như các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội phản ánh hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của người phạm tội, trình độ lạc hậu, tuổi già, tình trạng sức khỏe. Qua đó các đặc điểm ấy có thể phản ánh cả mặt tốt cũng như những mặt xấu của người đó, mà qua đó có những phương diện có thể được áp dụng là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Các tình tiết thuộc nhân thân người phạm tội được áp dụng là tình tiết giảm nhẹ TNHS dựa trên các cơ sở giảm nhẹ. Thứ nhất, các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác, các tình tiết thuộc về nhân thân người phạm tội là tình tiết của ý nghĩa giảm nhẹ mức độ nguy hiểm của hành vi. Thứ hai, là tình tiết phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng. Như đối với các tình tiết người phạm tội có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, học tập, công tác, người phạm tội là người già, phụ nữ có thai phản ánh khả năng ít nguy hiểm cho xã hội hơn từ bản chất con người hay các tình tiết thuộc về hoàn cảnh như người phạm tội lạc hậu, yếu tố nhân thân là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc phạm tội mà không phải hoàn toàn do bản thân người phạm tội.

Cũng cần phân biệt bản chất cá biệt của các tình tiết giảm nhẹ TNHS thuộc về nhân thân người phạm tội với các “chủ thể đặc biệt”, tức là các chủ thể có dấu hiệu đặc trưng bắt buộc làm căn cứ định tội cho một số tội phạm nhất định. Những dấu hiệu đặc trưng đó có thể là về chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính... được quy định cụ thể làm căn cứ xác định tội danh, không mang ý nghĩa giảm nhẹ.

Ý nghĩa của việc phân loại: Để phân loại các tình tiết giảm nhẹ dựa trên cơ sở này, cần có cái nhìn tổng quan về các tình tiết có liên quan đến tội phạm để xác định

tình tiết nào là tình tiết giảm nhẹ TNHS, tình tiết nào là yếu tố định tội, định khung. Cách phân loại này là cơ sở lý luận để xác định đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong vụ án hình sự.

***Phân loại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự***

Theo quy định của PLHS từ trước đến nay, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định bao gồm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chung được quy định cụ thể trong pháp luật hình sự và các tình tiết khác được xem xét, cân nhắc tùy nghi áp dụng bởi Tòa án.

***Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định trong pháp luật hình sự:***

Các tình tiết này mang giá trị độc lập, có thể được áp dụng chung cho bất kì trường hợp phạm tội nào. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mang tính khái quát, đặc trưng, phổ biến bởi sự đúc kết từ quá trình tổng hợp, nghiên cứu của nhà làm luật, đồng thời thấy được sự chỉnh chu hơn qua các giai đoạn của pháp luật hình sự. Chính vì sự cụ thể, rõ ràng nên các tình tiết này có đặc điểm tạo sự dễ dàng, thuận tiện trong áp dụng, đồng thời sự ưu tiên áp dụng là đương nhiên. Trong BLHS 2015, các tình tiết này được quy định theo khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, bao gồm 22 tình tiết, được quy định cụ thể dưới dạng liệt kê. Có thể thấy rõ điều này qua quá trình xem xét để “*có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định*” được quy định tại điều 51 BLHS 2015 chỉ có thể thực hiện “*khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51*”. Điều này cho phép sự suy luận rằng, các tình tiết được quy định tại Khoản 1 Điều 51 có vị trí cao hơn so với các tình tiết mà Tòa án xem xét, cân nhắc quyết định trong quá trình xét xử, hay các tình tiết được hướng dẫn trong các văn bản khác.

***Các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác được Tòa án có quyền tùy nghi áp dụng:***

Bên cạnh các tình tiết giảm nhẹ được quy định cụ thể trong PLHS thì Tòa án vẫn được quyền lựa chọn các tình tiết khác ngoài quy định của pháp luật. Bởi pháp luật dù có toàn diện đến đâu cũng chỉ mang tính tương đối, không thể tiên liệu được hết tất cả các tình huống, khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Cho nên các tình

tiết trong nhóm thứ hai thể hiện sự nhìn nhận sâu sắc, toàn diện của nhà làm luật khi cho phép Tòa án có thể cân nhắc thêm các tình tiết khác.

Tình tiết thuộc nhóm này có mức độ ưu tiên thấp hơn so với những tình tiết được đương nhiên áp dụng. Ví dụ như ngoài tình tiết người phạm tội tự thú được ưu tiên áp dụng tại khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 thì tình tiết người phạm tội đầu thú cũng được xem xét nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho những người lần tránh pháp luật sớm ra nhận tội, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, đồng thời tiết kiệm chi phí, rút ngắn thời gian giải quyết vụ án. Nhóm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này mang tính chất mở, qua đó cho thấy pháp luật đã trao cho Tòa án quyền cân nhắc, quyết định, để đưa ra phán xét hợp lý, công bằng, có căn cứ pháp luật. Điều này cũng cho thấy yêu cầu cao ở tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của những chủ thể có thẩm quyền.

Ý nghĩa của việc phân loại: cách phân loại này cho phép phân biệt các mức độ ảnh hưởng đến mức độ giảm nhẹ TNHS của hai nhóm tình tiết giảm nhẹ. Theo đó giá trị giảm nhẹ TNHS của các tình tiết được PLHS quy định cao hơn so với những tình tiết giảm nhẹ TNHS khác do Tòa án áp dụng.

Nhìn chung, cách phân loại nào cũng mang tính tương đối, bởi tồn tại những ưu điểm, hạn chế nhất định. Ý nghĩa cuối cùng của việc phân loại các tình tiết giảm nhẹ TNHS nhằm có được sự nhìn nhận đúng đắn, phương pháp vận dụng phù hợp khi xác định các tình tiết giảm nhẹ thông qua đặc điểm của từng nhóm tình tiết.

## **1.2. Khái quát lập pháp hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đến trước khi ban hành bộ luật hình sự 2015**

### *1.2.1 Quy định của PLHS về tình tiết giảm nhẹ TNHS trước pháp điển 1985*

Khi nghiên cứu pháp luật của một quốc gia nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói riêng phải gắn liền với thực tiễn sự thay đổi các mặt của đời sống xã hội, trong đó đổi mới về kinh tế, chính trị giữ vai trò vô cùng quan trọng. Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, đất nước ta phần khởi bước vào thời kì vĩ đại xóa bỏ chế độ thực dân - phong kiến, toàn lực xây dựng chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa. Quốc Khánh 02/09/1945, đất nước ta một lần nữa vỡ òa trong khoảnh khắc

thiên liêng của lịch sử, từ thời điểm này hàng loạt các sắc lệnh quan trọng được công bố để củng cố hoạt động của hệ thống chính trị như: Sắc lệnh số 51-SL quy định thể lệ Tổng tuyển cử, ấn định ngày 23/12/1945 sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử trong toàn quốc; Sắc lệnh số 63-SL về tổ chức, quyền hạn, cách làm việc của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp; Sắc lệnh số 77-SL về việc thành lập thành phố trực thuộc Chính phủ Trung ương, hoặc Kỳ, thị xã thuộc Kỳ hoặc tỉnh; Sắc lệnh số 78-SL thành lập Ủy ban Nghiên cứu kế hoạch Kiến quốc của Chính phủ,...Tất cả các sắc lệnh trên tập trung cho nhiệm vụ chung lúc bấy giờ: xây dựng và củng cố chính quyền vừa mới thành lập; tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp; tổ chức và hoạt động của lực lượng quốc phòng, an ninh; tổ chức đời sống dân sự.

Đặc biệt, trong giai đoạn này các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã xuất hiện trong một số sắc lệnh ở những tội phạm cụ thể như: Điều 2 Sắc lệnh 223 do chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 27/11/1946 (được xem như đạo luật chống tham nhũng đầu tiên ở Việt nam) có nêu *“người phạm tội đưa hối lộ cho một công chức mà tự ý cáo giác cho nhà chức trách việc hối lộ ấy và chứng minh rằng đã đưa hối lộ là vì bị công chức cưỡng bách.... Trong trường hợp này, tang vật hối lộ được hoàn lại”* quy định trên đã khuyến khích công dân tố giác tội phạm hoặc thành khẩn khai báo nếu trót đưa hối lộ; tiếp đến Điều 6 Sắc lệnh số 151 do chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 12 tháng 04 năm 1953 có nêu *“những kẻ bị cưỡng bức hay bị lừa gạt mà phạm tội thì tùy tội nặng nhẹ và thái độ hối lỗi của họ mà sẽ bị phạt tù từ 1 năm trở xuống”*. Đặc biệt, Điều 17 Sắc lệnh số 133 do chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 20/01/1953 các tình tiết giảm nhẹ TNHS được tách ra thành một Điều luật riêng biệt *“kẻ nào phạm các tội kể trên, mà ở vào một trong những trường hợp sau đây có thể xét xử một cách khoan hồng (giảm nhẹ tội, hoặc tha bổng): trước khi bị truy tố, thành thực hối cải, lập công chuộc tội, tự mình thành thực tự thú, khai rõ ràng những âm mưu và hành động của mình và của đồng bọn, bị ép buộc, lừa dối mà chưa làm hại nhiều cho nhân dân”*

Như vậy, có thể thấy trong thời kì này các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chưa thật sự rõ nét, phần lớn chưa tách bạch thành một Điều

luật riêng biệt, chưa có tên gọi thể hiện đây là điều luật quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS mà chỉ được thể hiện chung trong một điều luật cụ thể nào đó nằm trong sắc lệnh được ban hành. Tuy vậy, các hướng dẫn mang tính chung chung của cơ quan có thẩm quyền trong thời kì này mang tính chất tiền đề - bước đệm, đồng thời là một trong những bộ phận cấu thành đề ra đòi một BLHS đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Năm 1985, Bộ luật Hình sự ra đời đánh dấu một bước ngoặt lớn trong hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và hệ thống pháp luật hình sự nói riêng. Bộ luật Hình sự này kế thừa và phát triển Luật Hình sự của Nhà nước ta từ Cách mạng tháng Tám đến nay, tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm ở nước ta trong mấy chục năm qua và có dự kiến tình hình diễn biến của tội phạm trong thời gian tới.

#### *1.2.2. Quy định của PLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS sau pháp điển 1985*

Trong giai đoạn sau pháp điển 1985, Các tình tiết giảm nhẹ TNHS có bước tiến phát triển. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được ghi nhận là một điều luật cụ thể áp dụng chung cho tất cả tội phạm. Đến đây, giá trị các tình tiết chính thức được PLHS ghi nhận.

Trước khi tìm hiểu sơ lược về các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định trong BLHS 1985, BLHS 1999, BLHS 2015, cần hiểu pháp điển hóa là gì? Có thể hiểu pháp điển hóa là hình thức hệ thống hoá pháp luật trong đó, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tập hợp, sắp xếp các quy phạm pháp luật, các chế định luật, các văn bản quy phạm pháp luật trong ngành luật theo trình tự nhất định, loại bỏ những mâu thuẫn chồng chéo, các quy định lỗi thời và bổ sung những quy định mới. Kết quả của pháp điển hóa là văn bản quy phạm pháp luật mới trên cơ sở kế thừa và phát triển các quy phạm pháp luật cũ mà điển hình là bộ luật. Pháp điển hóa theo 2 hình thức là: pháp điển hóa nội dung và pháp điển hóa hình thức. Bộ luật hình sự của nước ta ra đời là kết quả của quá trình pháp điển hóa nội dung.

Đúng như định nghĩa pháp điển hóa của Từ điển thuật ngữ Lý luận nhà nước và pháp luật năm 2008, kết quả của pháp điển hóa là BLHS 1985- BLHS đầu tiên

của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời trên cơ sở kế thừa và phát triển các quy phạm pháp luật cũ. Từ đây, chúng ta có được một bộ luật hoàn chỉnh và thống nhất, bảo vệ trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, chống mọi hành vi phạm tội, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

### ***Quy định của BLHS 1985 về các tình tiết giảm nhẹ TNHS***

BLHS 1985 ghi nhận các tình tiết giảm nhẹ trong Điều 37 nguyên tắc quyết định hình phạt: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật này, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự”*. Như vậy, lần đầu tiên các tình tiết giảm nhẹ được BLHS 1985 ghi nhận là một trong các căn cứ để Tòa án quyết định hình phạt cho tất cả tội phạm. Đây được xem như bước tiến quan trọng, không những góp phần thể hiện rõ bản chất pháp lý của các tình tiết này mà còn giúp chúng ta phân biệt chúng với các tình tiết khác.

Căn cứ theo Điều 38 các tình tiết giảm nhẹ tổng cộng có 08 tình tiết: Người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm hoặc tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, vượt quá yêu cầu của tình thế cần thiết hoặc bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình tự gây ra; Phạm tội mà chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức hoặc chi phối về mặt vật chất, công tác hay các mặt khác; Người phạm tội là phụ nữ có thai, là người già hoặc là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình; Phạm tội do trình độ lạc hậu hoặc do trình độ nghiệp vụ non kém; Người phạm tội tự thú, thật thà khai báo, ăn năn hối cải hoặc tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm.

Đáng chú ý là các nhà lập pháp quy định các tình tiết này thành một điều luật riêng, đặt tên Điều khoản này là “Những tình tiết giảm nhẹ” chứ không lồng các

tình tiết này vào tội phạm cụ thể như trong giai đoạn trước 1985. Theo đó, các tình tiết được quy định từ điểm a đến điểm h tại Điều 8 mang tính khái quát cao góp phần cá thể hóa hình phạt, tính khoan hồng của pháp luật. Tùy vào từng trường hợp phạm tội cụ thể mà có hình phạt tương thích.

Tại khoản 2 Điều 38 là điều luật mở khi cho phép Tòa án có quyền “*coi những tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ*” ngoài các tình tiết quy định tại khoản 1 của Điều luật này. Như vậy, về mặt lý luận và thực tiễn điều luật này minh chứng cho sự tiến bộ trong hoạt động lập pháp của nước ta tránh quy định mang tính cứng nhắc, thiếu sự linh hoạt. Đồng thời thể hiện được sự tin tưởng vào năng lực của Tòa án - cơ quan thực hiện quyền tư pháp của nước ta với điều kiện Tòa án phải “*ghi rõ trong bản án*”.

Khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Tòa án có thể quyết định một hình phạt theo hai hướng theo khoản 3 Điều 38 BLHS 1985: *dưới mức thấp nhất mà Điều luật đã quy định hoặc chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn*. Tính nhân đạo thể hiện khá rõ nét trong điều luật này. Ngay từ BLHS đầu tiên, các nhà lập pháp đã chú trọng tính nhân đạo, đây cũng coi là nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình xây dựng hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Ngoài ra, BLHS 1985 còn quy định về ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được ghi nhận tại một số quy định như sau: Điều 22 cảnh cáo; Điều 44 án treo; Điều 48 miễn TNHS miễn hình phạt; Điều 72 tội phản bội Tổ quốc. Theo đó, các hình thức như cảnh cáo, án treo, miễn TNHS, miễn hình phạt được áp dụng nếu như thỏa mãn được điều kiện “*tình tiết giảm nhẹ*” kết hợp với các điều kiện cụ thể khác quy định trong từng điều khoản chi tiết. Đặc biệt, tại Điều 72 tội phản bội Tổ quốc thì chế tài áp dụng là phạt tù từ mười hai năm đến cao nhất là tử hình nhưng nếu có “*tình tiết giảm nhẹ*” thì phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

### ***Quy định của BLHS 1999 về các tình tiết giảm nhẹ TNHS***

BLHS 1999 tiếp tục ghi nhận các tình tiết giảm nhẹ được quy định trong BLHS 1985 với tên gọi “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” có một chút khác biệt so với BLHS 1985 dùng tên gọi “Các tình tiết giảm nhẹ”. Với tên gọi này,

định nghĩa “Các tình tiết giảm nhẹ TNHS” chính xác hơn, rõ ràng và thể hiện được đúng giá trị về mặt định nghĩa pháp lý của quy phạm pháp luật.

Tại Điều 46 BLHS 1999 đã liệt kê 18 tình tiết tương ứng từ điểm a đến điểm s. So với BLHS 1985, BLHS 1999 đã tách riêng các tình tiết giảm nhẹ ra thành những tình tiết giảm nhẹ riêng biệt từ điểm a đến điểm s khoản 1 Điều 46: Tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 BLHS 1985: “*người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm hoặc tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại*” được tách ra lần lượt điểm a “*người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm*” và điểm b “*người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*” khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Tương tự, điểm b khoản 1 Điều 38 BLHS 1985 “*phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết hoặc bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra*” được tách ra thành 3 điểm: điểm b “*người phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*”, điểm c “*người phạm tội vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết*”, điểm d “*người phạm tội bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra*”. Một điểm nổi bật là BLHS 1999 bổ sung thêm 2 tình tiết giảm nhẹ TNHS tại Điều 46 là điểm r “*người phạm tội đã lập công chuộc tội*” và điểm s “*người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác*”. Việc quy định thêm 2 tình tiết này nhằm khuyến khích người phạm tội thực hiện hành vi “lập công” chuộc đi tội lỗi mà mình đã gây ra. Đồng thời giảm nhẹ TNHS cho những người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác, đây cũng là điểm đáng ghi nhận phù hợp với thời điểm đất nước ta bước vào giai đoạn tăng gia sản xuất, ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, tạo ra giá trị kinh tế cho xã hội. Chính việc tách riêng và bổ sung thêm 2 tình tiết giảm nhẹ TNHS là nguyên nhân làm cho số lượng các tình tiết giảm nhẹ TNHS của BLHS 1999 tăng lên thành 18 tình tiết.

Bên cạnh đó, khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 đã xóa bỏ tình tiết “*người phạm tội do chi phối về mặt vật chất, công tác hay các mặt khác*” và tình tiết “*phạm tội do*

*trình độ nghiệp vụ non kém*” được quy định tại điểm e và điểm g khoản 1 Điều 38 BLHS 1985. Vậy lý do nào dẫn đến hai tình tiết trên bị xóa bỏ? Xuất phát từ việc xóa bỏ tình trạng một bộ phận tội phạm viện lý do “*ng nghiệp vụ non kém*”, “*chỉ phối về mặt vật chất, công tác*” để tạo cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho mình.

BLHS 1999 giữ lại điều khoản tày nghi tại khoản 2 Điều 38 của BLHS 1985 và quy định tại khoản 3 Điều 46 “*Khi quyết định hình phạt, Tòa án còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án*”. Cho thấy các nhà lập pháp nhận thức được tầm quan trọng của điều khoản này, pháp luật liệt kê các tình tiết như vậy, nhưng các vụ việc trên thực tế diễn ra hết sức đa dạng mà các nhà làm luật không thể nào dự liệu được hết. Đến đây, cơ quan Tòa án toàn quyền xem các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS nhưng phải ghi rõ trong bản án.

Tiếp đến, tại khoản 4 Điều 46 BLHS 1999 quy định “*các tình tiết giảm nhẹ được BLHS quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt*” - Điều khoản này là điểm mới so với BLHS 1985. Quy định như vậy nhằm tránh gây nhầm lẫn khi Tòa án ra quyết định hình phạt. Nếu như các tình tiết này là dấu hiệu định tội hoặc định khung tức là nhờ vào nó mà phân biệt được các tội phạm với nhau. Nếu coi đó là tình tiết giảm nhẹ một lần nữa để quyết định hình phạt sẽ dẫn đến sai lầm nghiêm trọng.

Như vậy, BLHS 1999 quy định theo hướng giữ nguyên các tình tiết giảm nhẹ của BLHS 1985, ngày càng hoàn thiện chế định “các tình tiết giảm nhẹ TNHS” bằng cách xóa bỏ các tình tiết không còn phù hợp với hoàn cảnh thực tế xã hội, thêm một số tình tiết giảm nhẹ TNHS đồng thời tách các tình tiết giảm nhẹ ra thành các tình tiết cụ thể riêng biệt, cụ thể hơn để thể hiện được nguyên tắc xử lý ghi nhận tại Điều 3 BLHS 1999 như sau “*khoan hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, tố giác người đồng phạm, lập công chuộc tội, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra*”.

## **Tiểu kết Chương 1**

Trong khoa học pháp lý nước ta chưa có khái niệm thống nhất về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên thông qua một số quan điểm điển hình cũng như quy định của pháp luật ta có thể rút ra cách hiểu cơ bản về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Nhìn chung các quan điểm đều mang tính tương đối và xuất phát từ nhiều căn cứ nhưng vẫn nêu lên bản chất chung các tình tiết giảm nhẹ TNHS liên quan đến giá trị giảm nhẹ của chúng trong giải quyết TNHS. Giá trị giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ TNHS không được quy định cụ thể trong chế tài mà phụ thuộc vào sự xem xét của Tòa án. Trên cơ sở đó ta có sự phân biệt với các tình tiết định tội, định khung và cá thể hóa hình phạt. Các tình tiết vừa làm giảm bớt mức độ nguy hiểm của tội phạm và người phạm tội, vừa thể hiện khả năng cải tạo, giáo dục của người phạm tội. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS có vai trò rất lớn trong việc đảm bảo thực hiện các nguyên tắc của PLHS cũng như trong áp dụng PLHS. Việc phân loại các tình tiết giảm nhẹ TNHS đảm bảo cho các tình tiết giảm nhẹ TNHS được hệ thống hoá, hỗ trợ cho việc nhìn nhận, áp dụng một cách thuận tiện hơn.

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được quy định trong các văn bản pháp luật Việt Nam từ rất sớm. Việc quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng cho thấy tinh thần nhân đạo luôn được thể hiện xuyên suốt qua các thời kì. Các quy định có nhiều đổi mới, hoàn thiện qua từng giai đoạn gắn liền với những thời kì lịch sử của đất nước.

## **Chương 2**

### **CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHẸ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

#### **2.1. Quy định của pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự**

BLHS 2015 không xóa bỏ bất kì tình tiết giảm nhẹ TNHS nào so với BLHS 1999. Các tình tiết tại khoản 1 Điều 46 BLHS 1999: điểm a “người phạm tội đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm”; điểm b “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả”; điểm c “phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”; điểm d “phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết”; điểm đ “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác gây ra”; điểm e “phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do tự mình gây ra”; điểm g “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”; điểm h “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, điểm i “phạm tội vì bị người khác đe dọa, cưỡng bức”; điểm k “phạm tội do lạc hậu”; người phạm tội là phụ nữ có thai”; điểm n “người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”; điểm o “người phạm tội tự thú”; điểm p “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; điểm q “người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm”; điểm r “người phạm tội đã lập công chuộc tội”; điểm s “người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” tiếp tục được BLHS 2015 ghi nhận tương ứng với quy định tại điểm a, b, c, d, đ, g, h, i, k, m, n, q, r, s, t, u, v tại khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

So với BLHS 1999, BLHS 2015 bổ sung 4 tình tiết, cụ thể hóa 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS. Bốn tình tiết giảm nhẹ TNHS được thêm mới bao gồm: điểm đ “phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội”; điểm l “phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do

lỗi của mình gây ra”; điểm p “người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng”; điểm x “người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ”. Xét thấy các tình tiết được thêm mới này là hết sức thực tế, kế thừa nền tảng chế định pháp luật cũ, hoàn thiện quy phạm pháp luật mới phù hợp quy luật khách quan trong thực tế. Đối với tình tiết “người phạm tội là người già” được quy định tại điểm m khoản 1 Điều 46 đến BLHS 2015 được thay đổi thành “người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên” tại điểm o khoản 1 Điều 51. Quy định này mang tính định lượng cao, nhằm cụ thể hóa đối tượng “người già” ở BLHS 1999. Đến đây, tính định tính “người già” không còn gây khó khăn cho cơ quan xét xử nữa. Nó được xác định cụ thể thành người “đủ 70 tuổi trở lên”.

Khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 “Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án” và khoản 3 Điều 51 BLHS 2015 “Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt”. Hai điều khoản này tiếp tục được BLHS 2015 kế thừa từ BLHS 1999.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS “đầu thú” lần đầu được nhà lập pháp ghi nhận trong Điều khoản tùy nghi. Như vậy, “đầu thú” được ghi nhận như là tình tiết giảm nhẹ TNHS như tình tiết tại khoản 1 Điều 51.

Đến đây, BLHS hiện hành 2015 đã thể hiện ngày rõ nét tính nhân đạo xuyên suốt trong quá trình lập pháp ở nước ta. BLHS là một bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Với những kế thừa, sửa đổi, bổ sung qua các thời kỳ BLHS 2015 đã có sự phát triển đáp ứng được phần nào đòi hỏi của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm trong điều kiện đổi mới.

Hiện tại BLHS 2015 đã được đưa vào thi hành được một thời gian nhưng thực tiễn áp dụng vẫn còn tương đối ít. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được pháp luật quy định theo BLHS 2015 có một số thay đổi so với quy định cũ dẫn đến việc áp dụng vào thực tế cũng phát sinh những vấn đề mới mẻ.

Cụ thể nội dung các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 1 điều 51 BLHS 2015:

***Tình tiết “Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm” (điểm a, khoản 1, Điều 46 BLHS 1999, điểm a, khoản 1 Điều 51 BLHS 2015)***

Đây là trường hợp người phạm tội trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội hoặc đã thực hiện hành vi phạm tội có hành vi trên thực tế để ngăn không cho tác hại xảy ra hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm. Đồng thời, tác hại đó do hành vi này mà được ngăn chặn hoặc được giảm bớt trên thực tế.

Như vậy, ở tình tiết này BLHS 2015 dùng từ “hoặc” để nói 2 tình tiết là “ngăn chặn tác hại của tội phạm” với tình tiết “làm giảm bớt tác hại của tội phạm” so với BLHS 1999 dùng dấu phẩy để ngăn cách hai tình tiết trên. Việc sửa đổi này trong BLHS 2015 là tránh gây nhầm lẫn cho chủ thể áp dụng pháp luật. Như vậy, người phạm tội chỉ cần thỏa mãn một trong hai tình tiết trên thì được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này. Tình tiết đề cập “*người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm*” mà không đặt yêu cầu về động cơ của hành vi hoặc hoàn cảnh thực hiện hành vi? Như vậy, có thể hiểu Tòa án coi tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ khi người phạm tội “*đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt*” tác hại của tội phạm mà không cần xét tới việc ngăn chặn hoặc làm giảm bớt này là do bị ép buộc hay tác động từ chủ thể khác hay không.

Cần lưu ý, việc áp dụng tình tiết “*người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm*” còn tùy vào từng trường hợp, vụ án cụ thể. Giá trị giảm nhẹ được xác định tùy thuộc vào mức độ tích cực của người phạm tội trong việc ngăn chặn, hạn chế tác hại của tội phạm mức độ tác hại ngăn chặn trên thực tế [43, tr.111]. Có thể áp dụng tình tiết này trong các trường hợp như: sau khi tấn công người bị hại đã nhanh chóng đưa họ đi cấp cứu v.v...

***Tình tiết “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” (điểm b, khoản 1, Điều 46 BLHS 1999, điểm b, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015)***

Có thể hiểu đây là trường hợp người phạm tội tự nguyện và bằng nhiều cách để sửa chữa đền bù và khắc phục những thiệt hại do tội phạm gây ra. Khác với tình

tiết “*người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm*”, đối với tình tiết “*người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” thì hậu quả đã xảy ra trên thực tế. Tất cả những hành vi này đều xuất phát từ sự tự nguyện của người phạm tội hướng đến mục đích bù đắp những tổn thất, thiệt hại, hậu quả do chính hành vi của mình gây ra. Hơn nữa, chính vì hậu quả đã xảy ra nên tình tiết giảm nhẹ TNHS này được đánh giá là có mức độ giảm nhẹ TNHS thấp hơn so với tình tiết “*người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm*” vì lúc này hậu quả chưa xảy ra.

Ví dụ: Nếu người gây ra tai nạn đưa nạn nhân cấp cứu kịp thời giúp người bị thương thoát khỏi cơn nguy kịch thì lúc này hậu quả chưa xảy ra, mà giúp làm giảm bớt tác hại của tội phạm. Do đó, Tòa án sẽ cân nhắc, xem xét áp dụng tình tiết “*người phạm tội làm giảm bớt tác hại của tội phạm*”. Giả sử hậu quả đã xảy ra, nạn nhân bị thương tật 80%, người gây ra tai nạn tự nguyện bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần cho nạn nhân thì Tòa án cân nhắc, xem xét vào tình tiết giảm nhẹ TNHS “*bồi thường thiệt hại*”.

Trong điều khoản này, ba tình tiết nhỏ được liệt kê: “*tự nguyện sửa chữa*”, “*bồi thường thiệt hại*”, “*khắc phục hậu quả*”. Như vậy, ở Điều khoản này không phải có 1 mà có tới 3 tình tiết được liệt kê, tất cả các tình tiết này gần giống nhau về bản chất nên các nhà làm luật đặt chúng vào cùng một tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tuân tự áp dụng đúng theo thứ tự được liệt kê như trên. Nếu hậu quả đã xảy ra thì người phạm tội tự nguyện sửa chữa trước, nếu không sửa chữa được thì bồi thường bù đắp thiệt hại, và cuối cùng là khắc phục hậu quả. Cần lưu ý trong tình tiết giảm nhẹ TNHS này các nhà làm luật quy định hành vi sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả phải xuất phát từ sự tự nguyện của người phạm tội. Như vậy, nếu như người phạm tội do tác động từ một phía khác mới có hành vi trên thì không được tòa án cân nhắc là tình tiết giảm nhẹ TNHS này.

Tòa án căn cứ vào mức độ “*tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” của người phạm tội đối với hậu quả mà mình gây ra để cân nhắc mức độ giảm nhẹ TNHS cho phù hợp. Nếu cùng một hành vi phạm tội nhưng

người phạm tội thực hiện đồng thời các hành vi “tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” thì vẫn coi là người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS.

***Tình tiết “Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” (Điểm c, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, Điểm c, khoản 1 Điều 46 BLHS 1999)***

Khoản 2, Điều 22, BLHS 2015, khoản 2 Điều 15 BLHS 1999 quy định “Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này”. BLHS 1999 và BLHS 2015 đều xếp tình tiết này vào nhóm các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 1 Điều luật về tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tên gọi tình tiết này qua hai bộ luật là hoàn toàn giống nhau.

Vì sao PLHS Việt Nam liệt kê tình tiết này vào nhóm các tình tiết giảm nhẹ TNHS? Xuất phát từ mục đích, động cơ phạm tội của người phạm tội. Lúc này, tội phạm xảy ra vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách quá mức cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Tuy nhiên, trong tình huống này, rõ ràng người phạm tội rất khó có các điều kiện (nhất về mặt thời gian) để cân nhắc, xem xét trước khi có hành vi chống trả ở mức cần và đủ để buộc người đang có hành vi xâm phạm lợi ích trên chấm dứt ngay hành vi xâm phạm. Chính vì lẽ đó, tình tiết này được xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS đặc biệt. Đồng thời là một trong các căn cứ để Tòa án cân nhắc, xem xét trước khi quyết định hình phạt.

BLHS 1999 quy định tình tiết này là dấu hiệu định tội của Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng tại khoản 1 Điều 96 và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng tại khoản 1 Điều 106. Đến BLHS 2015 quy định tình tiết này là dấu hiệu định tội của Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội tại khoản 1 Điều 126

và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội tại khoản 1 Điều 136. Như vậy, trường hợp các tình tiết này là dấu hiệu định tội thì không được áp dụng là tình tiết giảm nhẹ TNHS. Bên cạnh đó, mức độ giảm nhẹ TNHS như thế nào còn tùy thuộc vào mức độ vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng của người phạm tội trong từng trường hợp cụ thể. Do tính chất giảm nhẹ đặc biệt về trách nhiệm hình sự nên thực tế đây là tình tiết thường được áp dụng với ý nghĩa là tình tiết định tội đã được đề cập như trên.

***Tình tiết “Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết” (Điểm d khoản 1 Điều 46 BLHS 1999, Điểm d khoản 1 Điều 51 BLHS 2015)***

“Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết” là tình thế của người vì muốn bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải thực hiện một hành vi phạm tội. Tuy nhiên, khác với phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng, nguyên nhân làm phát sinh quyền phòng vệ chính đáng là sự tấn công trái phép từ phía người bị hại, nguyên nhân làm phát sinh quyền phòng vệ là hoàn cảnh khách quan, đang diễn ra một tình trạng nguy hiểm, buộc người phạm tội phải lựa chọn hy sinh một lợi ích nhỏ hơn để bảo vệ một lợi ích lớn hơn, giảm thiểu thiệt hại có thể xảy ra. Tuy hành vi của người phạm tội rõ ràng là vượt quá yêu cầu cấp thiết, nhưng xuất phát từ ý chí muốn bảo vệ các quyền, lợi ích, chính đáng nên người phạm tội cần được xem xét giảm nhẹ TNHS đặc biệt.

Đối với tình tiết “*Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*” người phạm tội “*chống trả lại một cách quá mức cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích*” – tức hành vi xâm phạm đó chỉ có thể là do con người chủ động gây ra. Trong khi tình tiết “*Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết*” hành vi xâm phạm các lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức có thể do con người, các điều kiện tự nhiên hoặc các nguyên nhân

khác gây ra nên người phạm tội mới gây ra một thiệt hại để ngăn chặn hành vi đó, nhưng thiệt hại đó rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết.

Thực tiễn áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này không phổ biến so với các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác. Tòa án Gò Vấp chưa ghi nhận vụ việc nào áp dụng tình tiết này. Mức độ vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết sẽ là căn cứ để Tòa án áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS “*Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết*” khi quyết định hình phạt.

***Tình tiết “Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội” (điểm d khoản 1 Điều 51 BLHS 2015)***

Đây là tình tiết mới được ghi nhận trong BLHS 2015, chưa được quy định trong BLHS 1999. Tại Điều 24 BLHS 2015 có quy định: “*Hành vi của người để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực cần thiết gây thiệt hại cho người bị bắt giữ thì không phải là tội phạm. Hành vi của người gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết, thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự*”

Như vậy, đối với tình tiết này, động cơ phạm tội là tích cực vì nhằm bắt giữ người phạm tội. Tuy nhiên, hành vi phạm tội lại vượt quá mức cần thiết nên pháp luật coi đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS. BLHS 2015 mới có hiệu lực ngày 01/01/2018 nên tình tiết này còn khá mới mẻ, chưa có văn bản hướng dẫn, cũng như vụ việc cụ thể trên thực tế.

Có 2 tội danh có nêu tình tiết “phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội” là: Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội tại Điều 126, BLHS 2015 và Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội tại Điều 136, BLHS 2015. Đối với 2 tội danh này, tình tiết “Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội” là dấu hiệu định tội, không áp dụng tình tiết này để coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS. Khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này, cần căn cứ vào “mức độ vượt quá mức cần thiết” để xác định mức độ giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội.

Quy định này đã cho thấy sự tiến bộ của PLHS Việt Nam khi hành vi sử dụng vũ lực cần thiết để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội không được coi là tội phạm. Chỉ khi hành vi đã rõ ràng là vượt quá mức cần thiết thì người gây thiệt hại mới phải chịu TNHS, đây cũng được xem là tình tiết giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội. Khi sử dụng vũ lực để bắt giữ người đang thực hiện hành vi phạm tội, người ta hiểu rằng họ không phải chịu TNHS khi gây thiệt hại cho người bị bắt giữ. Từ đó, giúp nâng cao tinh thần nghĩa hiệp, góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đem lại sự yên bình cho xã hội. Khi hành vi của người gây thiệt hại gây ra rõ ràng là quá mức cần thiết, pháp luật quy định họ được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì suy cho cùng, hành động này xuất phát từ tinh thần chính nghĩa, nhằm bảo vệ các lợi ích hợp pháp trong xã hội.

***Tình tiết “ Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” (điểm e, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015)***

Trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra là trường hợp người phạm tội không hoàn toàn làm chủ về tình cảm xuất phát từ hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra.

Quy định này có một chút khác biệt so với BLHS 1999, trong khi BLHS 1999 quy định nguyên nhân bị kích động về tinh thần của người phạm tội là do hành vi trái pháp luật của người bị hại hoặc người khác. BLHS 2015 chỉ quy định trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra. Đây được xem là quy định góp phần hạn chế tình trạng không làm chủ được cảm xúc của mình, mà tùy tiện gây ra thiệt hại cho người vô tội.

Như vậy, để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này cần hội đủ các yếu tố sau: Thứ nhất, người phạm tội phải không hoàn toàn làm chủ về mặt tình cảm trong tình huống này. Thứ hai, sự hoàn toàn không làm chủ về mặt tình cảm phải xuất phát từ hành vi trái pháp luật của nạn nhân – tức có mối quan hệ nhân quả. Thiếu một trong hai yếu tố này thì không được coi là phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra. Bên cạnh đó, trên thực tế có nhiều trường hợp Tòa án vẫn cân nhắc xem xét tình tiết phạm tội trong

trường hợp bị kích động về tinh thần nhưng do hành vi trái đạo đức của nạn nhân gây ra. Điều này là hoàn toàn hợp lý, thể hiện sự linh hoạt của Tòa án trong việc thực hiện chức năng xét xử của mình.

Mức độ đánh giá tình tiết giảm nhẹ TNHS này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: mức độ của hành vi trái pháp luật của nạn nhân trong mối quan hệ với mức độ tinh thần bị kích động của người phạm tội và mức độ phản ứng lại hành vi trái pháp luật của nạn nhân. Và tùy vào từng vụ án cụ thể mà Tòa án cân nhắc, xem xét để đưa ra phán quyết công bằng nhất.

***Tình tiết “Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra” (Điểm g, khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, điểm e, khoản 1 Điều 46 BLHS 1999)***

Hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở đây có thể hiểu là: thiên tai, dịch bệnh, bão lụt, chiến sự, bệnh hiểm nghèo hoặc do nguyên nhân khác – nguyên nhân khách quan mà không phải là nguyên nhân xuất phát từ người phạm tội. Chính vì những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn này xảy ra ở gia đình hoặc chính bản thân người phạm tội là nguyên nhân người phạm tội phạm tội để giải quyết những khó khăn cấp bách đó. Cũng cần lưu ý là những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn này xảy ra ở chính gia đình hoặc bản thân người phạm tội chứ không xảy ra trên phạm vi khu vực hay địa phương.

Cần phân biệt tình tiết giảm nhẹ TNHS này và tình tiết tăng nặng TNHS: “*Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội*”. Hơn nữa “vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn” mà phạm tội khác với “lợi dụng” để thực hiện hành vi phạm tội. Ví dụ: Do con nhỏ mắc bệnh hiểm nghèo, gia đình túng quẫn, nợ nần chồng chất, anh B đã sang nhà bên cạnh trộm sợi dây chuyền đem bán. Trong trường hợp này, anh B phạm tội là do hoàn cảnh khó khăn đặc biệt – con nhỏ mắc bệnh hiểm nghèo. Tình tiết này được Tòa án coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS. “Bệnh hiểm nghèo” được PLHS xem là “hoàn cảnh đặc biệt khó khăn”, chính sự khó khăn, quẫn bách này thôi thúc anh B thực hiện tội phạm để cứu con. PLHS thể hiện sự nhân đạo khi quy định tình tiết này vào nhóm các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Mức độ giảm nhẹ TNHS tùy thuộc vào mức độ khó khăn do hoàn cảnh đặc biệt gây ra đối với người phạm tội. Mức độ khó khăn càng nhiều thì mức độ giảm nhẹ TNHS đối với người phạm tội càng cao. Đây cũng là một trong số những tình tiết giảm nhẹ TNHS được Tòa án đặc biệt quan tâm khi xét xử.

***Tình tiết “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” (Điểm h, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015)***

Thiệt hại (tính từ hoặc danh từ): Bị tổn thất hư hao về người và của. Mùa màng bị thiệt hại vì trận bão. Không có thiệt hại về người. Gây ra thiệt hại. Hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất.

Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại nhưng không lớn là trường hợp chưa gây ra thiệt hại trên thực tế hoặc nếu thiệt hại đã xảy ra thì mức độ thiệt hại là không lớn. Trường hợp này chủ yếu do nguyên nhân khách quan từ bên ngoài tác động nằm ngoài ý muốn chủ quan của người phạm tội ngăn cản thiệt hại xảy ra. Có thể là hành vi phạm tội bị người khác phát giác kịp thời, sau đó ngăn cản hành vi phạm tội tiếp tục.

Nên phân biệt tình tiết “người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm” được quy định tại điểm a khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm a khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 với tình tiết “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” điểm h, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Cả hai tình tiết này đều hướng tới mục đích giảm bớt tác hại của tội phạm, tuy nhiên đối với tình tiết quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 thì mục đích này xuất phát từ chính người phạm tội, có thể người phạm tội được người khác khuyên ngăn nhưng chung quy chính người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm. Với tình tiết quy định tại điểm h, “chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn” là do từ nguyên nhân khách quan cản trở tội phạm thực hiện, mà không xuất phát từ hành vi chính bản thân người phạm tội. Chính vì lẽ đó, mức độ giảm nhẹ TNHS đối với tình tiết “người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm” cao hơn so với mức độ giảm nhẹ TNHS đối với tình tiết “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn”.

***Tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” (Điểm i, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, Điểm h, khoản 1, Điều 46 BLHS 1999)***

Tình tiết này được vận dụng khi thỏa mãn cả 2 điều kiện: “phạm tội lần đầu” và “trường hợp ít nghiêm trọng”. Trong nhiều bản án, Tòa án muốn vận dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này cần phải hiểu rõ “phạm tội lần đầu” là gì? Và “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là gì?”. Trên thực tế xét xử, vẫn chưa có sự thống nhất trong quan điểm nên dẫn đến việc áp dụng còn nhiều thiếu sót, chưa thể hiện được tinh thần của điều khoản này.

Phạm tội lần đầu là gì? Phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là gì? Có rất nhiều quan điểm trái ngược nhau khi bàn luận về vấn đề này. Có quan điểm cho rằng phạm tội lần đầu là trường hợp người phạm tội chưa phạm bất kỳ một tội nào trên thực tế và không quan tâm là người đó có bị kết án về tội nào hay không. Quan điểm còn lại cho rằng phạm tội lần đầu là trường hợp người phạm tội có hành vi phạm tội và bị kết án bằng một bản án có hiệu lực của Tòa án. Như vậy, để giải quyết mâu thuẫn của các quan điểm trên cần có sự hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền để thống nhất áp dụng quy định pháp luật một cách có hiệu quả nhất. Cần hiểu rõ, theo khoản 1 Điều 8 BLHS 2015. Khoản 1 Điều 8 BLHS 1999 “tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự”. Do đó, một người thực hiện một hành vi phạm tội trên thực tế mặc dù chưa bị kết án bằng một bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì vẫn xem như phạm tội. Theo Hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao trong thông báo giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017-GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 04 năm 2017 thì phạm tội lần đầu là từ trước đến nay chưa phạm tội lần nào. Nếu trước đó đã phạm tội và bị kết án, nhưng đã được xóa án tích hoặc chưa bị kết án, nhưng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị kết án, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nay bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong cùng lần phạm tội sau, thì không được coi là phạm tội lần đầu. Phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Phạm tội gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù;

Phạm tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nhưng người phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu, không đáng kể trong vụ án có đồng phạm.

Tòa án chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” khi có đủ 02 yếu tố “phạm tội lần đầu” và “thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Nếu bị cáo phạm tội lần đầu mà không phải thuộc trường hợp ít nghiêm trọng hoặc ngược lại phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng lần phạm tội này không phải là phạm tội lần đầu thì không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

***Tình tiết “Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức” (điểm k, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm i, Khoản 1, Điều 46 BLHS 1999).***

Phạm tội vì bị người khác đe dọa hoặc cưỡng bức là trường hợp phạm tội do bị chi phối bởi ý chí của người khác thông qua việc bị đe dọa hoặc bị cưỡng bức [43, tr.29]. Cả 2 hành vi trên chung quy đều làm cho người khác sợ hãi mà phạm tội. Cưỡng bức gồm 2 dạng: cưỡng bức thân thể và cưỡng bức tinh thần.

Người phạm tội bị chi phối bởi ý chí của người khác thông qua hành vi đe dọa, uy hiếp liên quan đến tính mạng, tài sản hoặc các lợi ích khác mà không thể hoàn toàn tự do về mặt ý chí buộc phải thực hiện hành vi phạm tội theo ý muốn của người có hành vi đe dọa, uy hiếp liên quan đến tính mạng, tài sản và các lợi ích khác đối với người phạm tội. Đây cũng là cơ sở để áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS cho người phạm tội. Mức độ giảm nhẹ TNHS tùy thuộc vào mức độ đe dọa hoặc cưỡng bức làm cho người phạm tội không hoàn toàn tự do về mặt ý chí.

***Tình tiết “Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra” (điểm l, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015)***

Trường hợp người phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức thường là do bị lừa mà không do lỗi của mình gây ra. Người phạm tội không tự đặt mình vào trạng thái hạn chế khả năng nhận thức mà do tác động từ chủ thể khác. Ví dụ như trong buổi tiệc, A lừa B uống đồ uống có chất kích thích, dẫn đến B ẩu đả gây thương tích cho

C. Trong trường hợp này, Tòa án đưa ra phán quyết B phạm tội cố ý gây thương tích với tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra”. Do đó, trong trường hợp này cần lưu ý việc thực hiện hành vi phạm tội không phải do lỗi của chính người phạm tội gây ra. Giả sử như trong tình huống trên, B tự nguyện uống những đồ uống kích thích kia mà không phải bị A lừa thì không áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này.

***Tình tiết “ Phạm tội do lạc hậu” (điểm m, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm k khoản 1 điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009))***

Lạc hậu là sự tụt lại phía sau, không bắt kịp đà tiến bộ, phát triển chung. Nguyên nhân lạc hậu dẫn đến hành vi phạm tội do người phạm tội thiếu hiểu biết, nhận thức về hành vi trái pháp luật còn kém. Người thực hiện tội phạm thực hiện hành vi trái pháp luật nhưng lại nhận thức điều đó phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của họ. Ví dụ: Giết người vì nghi ngờ người đó là Ma Lai hại người, một sự mê tín của người dân Tây Nguyên ám ảnh họ từ đời này sang đời khác. Hễ ai bị nghi ngờ là Ma Lai thì sẽ bị kì thị, sống rất khổ sở và thậm chí sẽ có người đứng ra “trừng trị” họ để bảo vệ bản thân và dân làng. Người phạm tội vì ảnh hưởng nghiêm trọng của sự lạc hậu đến nhận thức mà dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật.

Thông thường các trường hợp này xuất phát từ người có trình độ thấp, thiếu điều kiện học tập hay có hiểu biết kém về luật pháp, đời sống chịu ảnh hưởng nhiều từ thói quen, phong tục, tập quán. Nguyên nhân dẫn đến sự lạc hậu đó có thể xuất phát từ môi trường sống, hoàn cảnh khó khăn, điều kiện thực tế tách biệt dẫn tới việc học tập hạn chế, chưa thay đổi được tư duy bất cập xu hướng và cải tiến được sự lạc hậu, từ đó có ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức. Ở nước ta, tuy Nhà nước đã có nhiều biện pháp nâng cao dân trí, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, đặc biệt là tập trung vào các vùng sâu, vùng xa, vùng núi, đồng bào dân tộc thiểu số nhưng một số nơi vẫn còn có sự ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu cần có nhiều thời gian, công sức để cải thiện.

Gò Vấp là một quận khá sầm uất của Thành phố Hồ Chí Minh, có đời sống khá văn minh, có điều kiện để tiếp nhận thông tin nên tình trạng lạc hậu trong dân cư cũng ít khả năng xảy ra.

Mức độ giảm nhẹ TNHS của tình tiết này còn tùy thuộc vào các yếu tố như mức độ lạc hậu của người phạm tội, nhân thân, hoàn cảnh tại thời điểm phạm tội, điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội nơi người phạm tội sinh sống, mức độ lạc hậu so với các vùng khác.

Để áp dụng tình tiết này một cách hợp lý, cần nhìn nhận toàn diện về tình trạng lạc hậu của người phạm tội. Do nguyên nhân dẫn đến sự lạc hậu mà dễ có cái nhìn tập trung vào hoàn cảnh, trình độ dân trí, phong tục tập quán tại nơi người phạm tội sinh sống mà chưa căn cứ vào tình trạng thực sự của người phạm tội. Tuy nhiên nếu chỉ xem xét đến hoàn cảnh lạc hậu của người phạm tội vẫn chưa đủ cơ sở để áp dụng tình tiết này. Tòa án cần xem xét một cách toàn diện về mối liên hệ giữa sự lạc hậu và việc phạm tội, xem đó có phải là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội hay không để áp dụng chính xác.

***Tình tiết “Người phạm tội là phụ nữ có thai” (điểm n, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm 1 khoản 1 Điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009))***

Xuất phát từ điều kiện về thể chất, tâm sinh lý của người phụ nữ mang thai có sự bất ổn, chính sách bảo vệ bà mẹ và trẻ em cùng với tinh thần nhân đạo nói chung, áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho phụ nữ phạm tội khi có thai là có cơ sở.

BLHS khá chú trọng đến vấn đề này khi có những quy định bảo vệ người phụ nữ mang thai trong các thời điểm khác nhau của quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên chỉ trường hợp người phụ nữ có thai vào lúc thực hiện tội phạm thì mới áp dụng tình tiết này. Còn trường hợp người phụ nữ mang thai trong thời giam xét xử hoặc khi thi hành án thì không áp dụng hình phạt tử hình hoặc miễn chấp hành hình phạt tù theo quy định tại Điều 40, Điều 67 BLHS 2015. Nếu như khó nhận biết được người phụ nữ có thai hay không thì phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định (Theo mục 2.1 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS).

Chỉ cần là người phụ nữ có thai khi phạm tội là đã được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng mức độ giảm nhẹ thì phải xem xét phụ thuộc vào thời kỳ mang thai,

tình trạng sức khỏe, ảnh hưởng của tình trạng thai nhi đến việc thực hiện tội phạm của người phạm tội.

***Tình tiết “Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên” (điểm o, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015)***

Trên tinh thần nhân đạo, với độ tuổi đã có nhiều suy giảm về sức khỏe, mất sức lao động, "người phạm tội từ đủ 70 tuổi trở lên" được áp dụng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Theo quy định trước đây, “người phạm tội là người già” thì được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Theo đó “người già” được xác định là người từ 70 tuổi trở lên (tiểu mục 2.4 mục 2 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP). Pháp luật hình sự lại đề cập nhiều khái niệm về “người già”, “người già yếu”, “người quá già yếu”...nhưng lại thiếu sự hướng dẫn cụ thể, dễ gây nhầm lẫn. Quy định của BLHS 2015 đã cụ thể hóa đối tượng này ở việc quy định về độ tuổi đủ 70 tuổi trở lên đồng thời tháo gỡ được những vướng mắc trước đây.

Người phạm tội đủ 70 tuổi trở lên do vấn đề độ tuổi, tình trạng sức khỏe (trí nhớ, thể lực,...) ảnh hưởng đến tội đã phạm nên có thể căn cứ vào những yếu tố này để xác định mức độ giảm nhẹ TNHS.

***Tình tiết “Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng” (điểm p, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015)***

Theo khoản 1 Điều 2 Luật người khuyết tật 2010: “*Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn*”. Có các mức độ khuyết tật khác nhau căn cứ trên mức độ ảnh hưởng của khiếm khuyết đến đời sống sinh hoạt hằng ngày. Do những bất lợi, khó khăn trong cuộc sống mà người khuyết tật phải chịu so với người bình thường, Nhà nước khá chú trọng quan tâm đồng thời áp dụng các chính sách nhân đạo cho những người này. Trên tinh thần đó, quy định mới trong BLHS 2015 cho phép áp dụng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng khi phạm tội.

Cũng theo Luật người khuyết tật 2010, người khuyết tật nặng là *người do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá*

nhân hàng ngày (Điểm a khoản 2 Điều 3 Luật Người khuyết tật 2010). Mức độ khuyết tật này cũng được hướng dẫn cụ thể tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP Hướng dẫn Luật người khuyết tật: *Người khuyết tật nặng là những người do khuyết tật dẫn đến mất một phần hoặc suy giảm chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được một số hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc.*

Người khuyết tật đặc biệt nặng thì ở một mức độ nghiêm trọng hơn là *người do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày* (điểm b khoản 2 Điều 3 Luật Người khuyết tật 2010). Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 28/2012/NĐ-CP cũng có quy định: *Người khuyết tật đặc biệt nặng là những người do khuyết tật dẫn đến mất hoàn toàn chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được các hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc hoàn toàn.*

Những người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng có sự hạn chế về khả năng thực hiện các công việc phục vụ nhu cầu cuộc sống nói chung và đặc biệt là khó khăn trong sinh hoạt cá nhân tối thiểu hằng ngày như đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân. Khi thực hiện tội phạm, cũng vì những hạn chế, khó khăn đó mà giảm đi mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Có thể căn cứ trên mức độ ảnh hưởng của khiếm khuyết, tình trạng sức khỏe mà xác định mức độ giảm nhẹ TNHS.

***Tình tiết “Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình” (điểm q, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm n khoản 1 Điều 46 BLHS 1999)***

Năng lực trách nhiệm hình sự là yêu cầu cần thiết để một người chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm đã gây ra. Một người phát triển bình thường về tâm sinh lý đến một độ tuổi nhất định thì có năng lực pháp luật hình sự. Tuy nhiên cũng có trường hợp người mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác gây mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì không có năng lực trách nhiệm hình sự, do mức độ thỏa mãn hai yếu tố về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành

vi có ảnh hưởng đến sự nhận thức về tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi và khả năng kiềm chế hành vi đó. Cũng có trường hợp người có bệnh làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi tuy không thể xếp vào trường hợp loại bỏ trách nhiệm hình sự nhưng sẽ là cơ sở để giảm bớt trách nhiệm hình sự. Hạn chế khả năng nhận thức được hiểu là nhận thức không đầy đủ được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình, cũng như hậu quả của hành vi đó. Hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình là trường hợp họ vẫn nhận thức được hành vi của họ là nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi đó, nhưng họ không điều khiển được hành vi theo ý muốn (hạn chế về hoạt động cơ học của cơ thể).

Trường hợp này là do người phạm tội mắc bệnh mà bệnh này là nguyên nhân gây ra sự hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi. Như vậy chỉ xác định tình tiết giảm nhẹ TNHS khi có đầy đủ hai điều kiện “người phạm tội mắc bệnh” và “hạn chế khả năng nhận thức” hoặc “hạn chế khả năng điều khiển hành vi” trong mối liên hệ nhân-quả với nhau, loại trừ các nguyên nhân do người phạm tội tự gây ra như sử dụng rượu, bia, chất kích thích khác.

Tùy thuộc vào tình trạng bệnh của người phạm tội, mức độ hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi khác nhau mà có ảnh hưởng ít nhiều đến mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, từ đó có thể xác định mức độ giảm nhẹ phù hợp.

***Tình tiết “Người phạm tội tự thú” (điểm r, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS 1999)***

Theo điểm h khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: “*Tự thú là việc người phạm tội tự nguyện khai báo với cơ quan, tổ chức về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm hoặc người phạm tội bị phát hiện*”.

“*Người nào bị bắt, bị phát hiện về một hành vi phạm tội cụ thể, nhưng trong quá trình điều tra đã tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội khác của mình mà chưa bị phát hiện, thì cũng được coi là tự thú đối với việc tự mình nhận tội và khai ra những hành vi phạm tội của mình mà chưa bị phát hiện.* (theo Mục 7, Phần I Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/06/2002 của Tòa án nhân dân Tối cao giải đáp các vấn đề nghiệp vụ).

Tuy hành vi phạm tội gây nguy hiểm cho xã hội nhưng qua việc nhận tội khi chưa bị phát giác cho thấy sự hối lỗi của người phạm tội, báo hiệu những chuyển biến tích cực của người phạm tội xứng đáng để nhận được sự khoan hồng từ pháp luật.

Thời điểm người phạm tội tự thú sớm hay muộn, hiệu quả của việc tự thú có ý nghĩa rất lớn trong quá trình giải quyết vụ án. Người phạm tội nên tự thú sớm để nhận được sự khoan hồng của pháp luật cũng như có lợi trong việc được cân nhắc mức độ giảm nhẹ THNS.

Cũng cần phân biệt giữa tự thú và "đầu thú" là *“người đã biết mình phạm tội, nhưng biết không thể trốn tránh được nên đến cơ quan có thẩm quyền trình diện để cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật”* (Mục 7, Phần I Công văn số 81/2002/TANDTC của Tòa án nhân dân Tối cao ngày 10/6/2002 giải đáp các vấn đề nghiệp vụ). Nếu là “đầu thú” thì chỉ được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Trước đây hai tình tiết này đã được Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn tại Công văn số 81 ngày 10/6/2002 giải đáp các vấn đề nghiệp vụ (sau đây gọi chung là công văn 81/2002) và BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009) chỉ quy định tình tiết giảm nhẹ tự thú tại điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS, đến BLHS 2015 tình tiết “đầu thú” mới được quy định cụ thể.

***Tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” (điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm p, khoản 1 Điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009))***

Vấn đề thái độ, hành động của người phạm tội sau khi thực hiện tội phạm cũng mang ý nghĩa quan trọng trong việc xác định trách nhiệm hình sự. Người phạm tội biết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được xem là một trong những tình tiết giảm nhẹ TNHS. Thành khẩn khai báo được hiểu là người phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã khai đầy đủ và đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội mà họ đã thực hiện. Ăn năn hối cải là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm, người phạm tội thể hiện thái độ tâm lý của người phạm tội qua sự cắn rứt, dày vò lương tâm về tội lỗi của mình. Sự ăn năn hối cải này có thể được

chứng minh thông qua lời nói, hành động nhận ra sai lầm, mong muốn được sửa chữa lỗi lầm gây ra.

Quy định này có sự hoàn thiện khi trước đây BLHS 2015 chưa qua sửa đổi là “thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải” thay vì dùng liên từ “và” như hiện tại. Thực tế có trường hợp người phạm tội thành khẩn khai báo đồng thời biết ăn năn hối cải, cũng có trường hợp người phạm tội ăn năn hối cải nhưng không thành khẩn khai báo hoặc ngược lại. Sự khoan hồng đồng đều dành cho cả đối tượng thiếu một trong hai yếu tố chưa thực sự thuyết phục. Sự áp dụng đồng thời cả hai yếu tố này đảm bảo tính công bằng và nghiêm minh của pháp luật. Thành khẩn khai báo giúp cho quá trình giải quyết vụ án được nhanh chóng, thuận tiện hơn, tiết kiệm thời gian và chi phí, sớm kết thúc vụ án. Ăn năn hối cải thể hiện thái độ hướng thiện của người phạm tội, biết nhận ra lỗi lầm và trên hết là nhận thức khắc phục lỗi lầm. Bởi mục đích của hình phạt không chỉ là răn đe mà còn là giáo dục, cải tạo người phạm tội biết ăn năn, hối cải, tái hòa nhập cộng đồng.

Người phạm tội thành khẩn khai báo có ý nghĩa như thế nào còn tùy thuộc vào việc được thực hiện ở giai đoạn tố tụng nào, hiệu quả trong việc giải quyết vụ án. Người phạm tội ăn năn hối cải còn tùy thuộc vào thái độ, những hành động, việc làm cụ thể chứng minh cho sự ăn năn hối cải đó.

***Tình tiết “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” (điểm t, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015)***

Tích cực hợp tác với các cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án là một trong những tình tiết quan trọng trong việc thúc đẩy tốc độ và đảm bảo sự đúng đắn trong quá trình giải quyết vụ án. Xuất phát từ thái độ chủ động, giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm, người phạm tội góp phần tạo ra những sự biến đổi, thay đổi nhanh hơn trong việc phát hiện và điều tra tội phạm. Trường hợp này có thể được thực hiện khi đã bị bắt hoặc tự nguyện đến trình diện như trường hợp tự thú, đầu thú.

Sự tích cực hợp tác của người phạm tội được thể hiện qua việc cung cấp những thông tin, tài liệu, bằng chứng có ý nghĩa thiết thực cho việc phát hiện và

điều tra tội phạm; chỉ nơi cất giấu tang vật, nơi người phạm tội khác đang trốn tránh; cung cấp thông tin về tội phạm khác, người phạm tội khác không liên quan đến mình...

Mức độ chủ động, tích cực hợp tác của người phạm tội cũng như giá trị, hiệu quả của những thông tin, tài liệu, bằng chứng mà người phạm tội đã cung cấp là cơ sở để áp dụng giảm nhẹ TNHS cho tình tiết này.

Đây là một tình tiết mới so với tình tiết quy định tại Điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009) thay vì tình tiết “*người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm*”. Tình tiết này chưa được áp dụng trong các bản án được khảo sát. Tình tiết này có khả năng có thể được áp dụng cùng với tình tiết “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”. Bởi khi “*tích cực hợp tác*” là bị cáo đã có thái độ thành khẩn và biết ăn năn. Tất cả đều xuất phát từ trạng thái tâm lí, thái độ của người phạm tội về trách nhiệm đối với tội phạm đã gây ra và đều góp phần giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác.

***Tình tiết “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” (điểm u, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm r khoản 1 Điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009))***

Ngoài những tình tiết xảy ra sau khi phạm tội có vai trò khá lớn cho quá trình giải quyết vụ án như “*tự thú*”, “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” hay “*tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*”, “*người phạm tội đã lập công chuộc tội*” là một trong những tình tiết giảm nhẹ TNHS quan trọng mang tính chủ quan thể hiện hành động, thái độ tích cực của người phạm tội.

Đây là trường hợp sau khi thực hiện tội phạm cho đến khi bị xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm), người phạm tội không những ăn năn hối cải, tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm do họ thực hiện, mà họ còn có những hành động giúp đỡ các cơ quan có thẩm quyền phát hiện, ngăn chặn các tội phạm khác, tham gia phát hiện tội phạm, bắt kẻ phạm tội, có hành động thể hiện sự quên mình vì lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích chính đáng của người khác... được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc chứng

nhận (theo mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật Hình sự năm 1999).

Tùy từng giai đoạn tố tụng mà việc lập công chuộc tội có ý nghĩa khác nhau đồng thời cũng phụ thuộc vào công trạng người phạm tội lập được mà có mức độ giảm nhẹ phù hợp.

***Tình tiết “Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác” (điểm v, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm s khoản 1 Điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009))***

Người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác là người được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo hoặc có sáng chế, phát minh có giá trị hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sỹ thi đua (mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ- HĐTP) và những thành tích xuất sắc này đã có trước khi phạm tội.

Hiện nay công tác thi đua khen thưởng cũng khá đa dạng với nhiều hình thức khác nhau, tùy thuộc vào thành tích, danh hiệu thi đua được công nhận, hình thức khen thưởng, giá trị của sáng chế, phát minh, số lần được khen thưởng... mà Tòa án có thể căn cứ xác định mức độ giảm nhẹ TNHS. Tuy nhiên vì có nhiều hình thức thi đua, khen thưởng nhưng không phải thành tích nào cũng trong mức độ công nhận thành tích, nên khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS này dễ nảy sinh nhiều quan điểm.

***Tình tiết “ Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ” (Điểm x, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015)***

Tình tiết “người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ” là một trong những tình tiết giảm nhẹ TNHS lần đầu được ghi nhận tại BLHS 2015.

Trước đây tình tiết về “người có công” đã được quy định như một trong các tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 điều 46 BLHS 1999, được hướng dẫn tại điểm c mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ- HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định

trong phần chung của Bộ luật Hình sự năm 1999 là trường hợp vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên tình tiết này chỉ đề cập đến “người có công với nước” hoặc “có thành tích xuất sắc” như đã được liệt kê chứ không đề cập đến tình tiết “người có công với cách mạng”.

Đối tượng “người có công với cách mạng” đã được đề cập đến tại điều 1 Pháp lệnh 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 của Ủy ban thường vụ quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (pháp lệnh 01/2012), bao gồm: *Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; liệt sỹ; bà mẹ Việt Nam anh hùng; anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; người có công giúp đỡ cách mạng.* Tuy nhiên pháp lệnh 04/ 2012 chỉ liệt kê các đối tượng là “người có công với cách mạng” cùng với những điều kiện, tiêu chuẩn, chế độ ưu đãi cho họ, không thể xem là văn bản hướng dẫn BLHS 2015 mà chỉ trên cơ sở là căn cứ để hiểu rõ hơn về khái niệm “người có công với cách mạng”.

Còn đối với liệt sỹ, cũng là “người có công với cách mạng”, những người vì nước vì dân mà hi sinh, để lại những mất mát, đau thương cho gia đình, người thân thì Nhà nước cũng có những chính sách ưu đãi, khoan hồng cho gia đình, người thân của họ. Việc quy định “người phạm tội là cha, mẹ, vợ, chồng, con liệt sỹ” là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng dựa trên tinh thần ấy.

Theo quy định của BLHS hiện hành, ngoài những tình tiết giảm nhẹ TNHS được áp dụng một cách đương nhiên khi xảy ra thì còn có những tình tiết khác được áp dụng theo sự xem xét của Tòa án: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án”* (khoản 2 Điều 51 BLHS 2015). Các “tình tiết khác” được áp dụng theo khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 hoặc khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 là kết quả của quá trình xem xét cân trọng tránh tình trạng áp dụng tùy tiện, quyết định hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ.

Tình tiết “người phạm tội đầu thú” lần đầu được quy định trong BLHS 2015. Theo công văn số 81/2002/TANDTC của TAND Tối cao về việc giải đáp các vấn đề nghiệp vụ (sau đây gọi chung là công văn 81/2002), theo đó hướng dẫn: *Đầu thú là có người đã biết mình phạm tội, nhưng biết không thể trốn tránh được nên đến cơ quan có thẩm quyền trình diện để cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật* (tại mục 7, Phần I). Căn cứ điểm i khoản 1 điều 4 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 *“Đầu thú là việc người phạm tội sau khi bị phát hiện đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình”*. Trường hợp này việc xác định được người phạm tội có điều kiện bỏ trốn hay không có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đánh giá mức độ tự nguyện, ý thức hối lỗi của người phạm tội để từ đó căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ phù hợp, tuy nhiên còn khá khó khăn trong việc đưa ra nhận định. Giả sử như trường hợp người thực hiện tội phạm đã bị người khác phát hiện ra hành vi của mình, tuy nhiên người đó có đủ thời gian và điều kiện để trốn tránh nhưng lại không bỏ trốn và đến cơ quan chức năng trình diện, khai báo, hoặc trường hợp không biết được việc đã bị phát hiện mà tiếp tục lẩn trốn. Trong trường hợp này sẽ áp dụng ra sao khi người phạm tội không phải do *“không thể trốn tránh được”* theo quy định về “đầu thú” nhưng cũng không phải thuộc trường hợp *“chưa ai phát hiện được”* để áp dụng *“tự thú”*.

Trước đây để hướng dẫn áp dụng hai tình tiết này cho BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) một cách đúng đắn, thống nhất thì công văn số 81/2002 cũng quy định như sau:

*Nếu người phạm tội tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội của mình, trong khi chưa ai phát hiện được mình phạm tội thì áp dụng tình tiết giảm nhẹ "tự thú" quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với người phạm tội.*

*Nếu có người đã biết hành vi phạm tội của người phạm tội nhưng biết không thể trốn tránh được nên người phạm tội đến cơ quan có thẩm quyền trình diện thì áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội. Cũng cần chú ý là, trong trường hợp này, nếu người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hoặc có những việc làm khác thuộc trường hợp được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.*

Trước đây trong thực tiễn áp dụng BLHS 1999, một số các tình tiết được Tòa án tùy nghi áp dụng đã được tổng hợp và hướng dẫn trong các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Căn cứ theo các văn bản hướng dẫn trước đây của Tòa án nhân dân Tối cao và của Tòa án nhân dân Tối cao với các cơ quan hữu quan khác cũng như thực tiễn xét xử, theo điểm c Mục 5 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999, cụ thể các tình tiết sau được coi là “tình tiết giảm nhẹ khác”:

*"- Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước:*

*- Bị cáo là thương binh hoặc có người thân thích như vợ, chồng, cha, mẹ, con (con đẻ hoặc con nuôi), anh, chị, em ruột là liệt sỹ;*

- Bị cáo là người tàn tật do bị tai nạn trong lao động hoặc trong công tác, có tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên;

- Người bị hại cũng có lỗi;

- Thiệt hại do lỗi của người thứ ba;

- Gia đình bị cáo sửa chữa, bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo;

- Người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong trường hợp chỉ gây tổn hại về sức khỏe của người bị hại, gây thiệt hại về tài sản;

- Phạm tội trong trường hợp vì phục vụ yêu cầu công tác đột xuất như đi chống bão, lụt, cấp cứu.

Ngoài ra, khi xét xử, tùy từng trường hợp cụ thể và hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội mà còn có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ trong bản án”.

Căn cứ theo quy định một số tình tiết có thể được áp dụng theo khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) theo Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP thì ngoài các tình tiết được liệt kê như trên Tòa án có thể xem xét thêm nhiều tính tiết khác cho là phù hợp. Quy định trên cũng tạo điều kiện cho Tòa án cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ mang tính tùy nghi một cách có cơ sở hơn. Như vậy quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS tùy nghi đã có hướng dẫn.

## **2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh**

### **2.2.1. Nguyên tắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự**

Việc áp dụng quy định của PLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS là cơ sở để thực hiện một số nguyên tắc của luật hình sự như nguyên tắc công bằng, nguyên tắc cá thể hóa hình phạt, nguyên tắc nhân đạo. Việc đó còn có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định đúng hình phạt áp dụng đối với người phạm tội, tạo tiền đề cho việc đạt được mục đích của hình phạt. Ngược lại, việc áp dụng không đúng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong quyết định hình phạt sẽ đưa đến nhiều hệ lụy tiêu cực do cần phải tuân thủ nguyên tắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thể hiện ở các điểm sau:

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS chỉ được áp dụng để quyết định hình phạt khi có đủ các căn cứ luật định.

Nguyên tắc này phát sinh từ nguyên tắc xuyên suốt của Bộ luật Hình sự được thể hiện ở Điều 2 BLHS 1999 và khoản 1 Điều 2 BLHS 2015 “Chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật Hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”. Khi có đủ các căn cứ và điều kiện luật định thì các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải áp dụng miễn, giảm trách nhiệm hình sự. BLHS 1999 liệt kê 18 tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 1 Điều 46 và BLHS 2015 liệt kê 22 tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác tại khoản 2 Điều 46, Điều 51.

Đồng thời, nguyên tắc áp dụng này góp phần thể hiện tính cá thể hóa TNHS của Luật Hình sự, đảm bảo công bằng giữa người phạm tội với nhau và với các hành vi phạm tội. Tình tiết giảm nhẹ của người phạm tội nào thì chỉ được áp dụng đối với người đó và tình tiết giảm nhẹ của hành vi phạm tội nào thì chỉ được áp dụng đối hành vi phạm tội đó. Có như vậy, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mới mang lại hiệu quả nhân đạo cao, thể hiện đúng tinh thần pháp luật hình sự.

Tại bản án số 28/2017/HSST ngày 20/01/2017 TAND quận Gò Vấp xét xử bị cáo Đoàn Tấn Cường phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với tình tiết giảm nhẹ TNHS “bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu”. Sau đó, Tòa án Gò Vấp áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 để xử phạt bị cáo Cường 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Bản án 75/2017/HSST TAND quận Gò Vấp xét xử bị cáo Nguyễn Văn Còn với tội danh “Trộm cắp tài sản” nhưng Tòa án nhận định “Tại Cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu”. Cuối cùng Tòa áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Còn 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Như vậy, Tòa án Gò Vấp đã vận dụng đúng nguyên tắc chỉ được áp

dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS để quyết định hình phạt khi có đủ các căn cứ luật định.

Tòa án có quyền tùy nghi trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thể hiện ở quyền được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác ngoài quy định của PLHS nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án; mức độ giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ có thể thay đổi trong từng trường hợp cụ thể.

Tính chất tùy nghi này được thể hiện qua hai khía cạnh: Thứ nhất, tùy nghi trong việc xem các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Ngoài các tình tiết được quy định tại khoản 1 PLHS còn ghi nhận “đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án”. Thứ hai, đối với mỗi tình tiết giảm nhẹ TNHS thì Tòa án quyết định hình phạt cho từng trường hợp cụ thể là khác nhau. Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của Tòa án. Chúng ta đều thừa nhận ở mỗi tình tiết giảm nhẹ TNHS có mức ảnh hưởng đến mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội là không giống nhau. Như vậy, tùy vào từng trường hợp cụ thể Tòa án sẽ có hướng áp dụng khác nhau, thể hiện tính cá thể hóa TNHS. Lúc này, các nhà làm luật giao cho cơ quan Tư pháp – Tòa án được toàn quyền trong việc vận dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS để quyết định hình phạt.

Xét bản án số 74/2017/HSST tại TAND quận Gò Vấp ngày 24/03/2017 đối với bị cáo Đồng Xuân Đạo về tội “Cố ý gây thương tích”. Tại phần xét thấy của bản án có nêu: “Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đầu thú, gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, nên để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu”. Để đến phần quyết định, Tòa án quận Gò Vấp căn cứ khoản 3 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 để quyết định hình phạt. Như vậy, Tòa án coi tình tiết “gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo” là tình tiết giảm nhẹ TNHS tùy nghi. Khi quyết định hình phạt Tòa án vẫn cần nhắc đây là tình tiết giảm nhẹ TNHS và nêu rõ trong bản án.

Bản án số 113/2017/HSST ngày 18/05/2017 TAND quận Gò Vấp xét xử bị cáo Phó Quốc Mạnh về tội “Cố ý gây thương tích”, Tòa nhận định “Gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, bên cạnh đó, người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, và trong vụ án này người bị hại cũng có phần lỗi là đánh bị cáo trước nên để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu”. Tại phần quyết định, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 để đưa ra phán quyết. Như vậy, tác giả nhận thấy tình tiết “Gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, bên cạnh đó, người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, và trong vụ án này người bị hại cũng có phần lỗi là đánh bị cáo trước nên để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu” được Tòa án xem như tình tiết giảm nhẹ TNHS ngoài quy định Điều 46 của BLHS 1999 và được nêu rõ trong bản án.

Bản án số 335/2016/HSST ngày 29/12/2016 của Tòa án Gò Vấp xét xử hai bị cáo Võ Hà Lam, Nguyễn Quốc Thông phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xét thấy, cả hai bị cáo “Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, để giảm nhẹ một phần hình phạt chỉ bị cáo mà lẽ ra các bị cáo phải chịu” để áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khoản 2 là gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo Điều 46 BLHS 1999 quyết định hình phạt cho 2 bị cáo. Tuy nhiên, cả hai bị cáo cùng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng bị cáo Võ Hà Lam đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy thể có tổng trọng lượng là 26,7964 gram còn bị cáo Nguyễn Quốc Thông đã thực hiện 02 lần hành vi. Do đó, Tòa án quận Gò Vấp kết tội bị cáo Võ Hà Lâm theo điểm b, m khoản 2 Điều 194 BLHS 1999 và bị cáo Võ Hà Lam theo điểm b khoản 2 Điều 194 BLHS 1999. Tại phần quyết định hình phạt, Tòa án tuyên xử phạt bị cáo Võ Hà Lam 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, trong khi bị cáo Nguyễn Quốc Thông bị tuyên 07 (bảy) năm tù. Như vậy, trong trường hợp này, cả hai bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ TNHS là như nhau nhưng

mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo Võ Hà Lâm cao hơn mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc Thông. Từ đó, dẫn đến quyết định hình phạt giữa hai bị cáo là khác nhau.

Các tình tiết tuy có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS nhưng đã là tình tiết định tội, định khung hình phạt giảm nhẹ thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Các tình tiết giảm nhẹ được BLHS quy định là dấu hiệu định tội thực chất đây là dấu hiệu cấu thành tội phạm (cấu thành tội phạm theo khoa học luật hình sự chia ra làm 3 loại: cấu thành cơ bản, cấu thành tăng nặng và cấu thành giảm nhẹ). Nếu các tình tiết giảm nhẹ đã được BLHS quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì Tòa án không được áp dụng các tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ khi quyết định hình phạt nữa. Ví dụ: tại khoản 2 Điều 108 BLHS quy định Tội phản bội Tổ quốc: *“Phạm tội trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm”*. Trong cấu thành tội phạm giảm nhẹ này, *“tình tiết giảm nhẹ”* đã được quy định là dấu hiệu định khung. Như vậy, theo như khoản 1 Điều 108 BLHS 2015 thì nếu như *“Công dân Việt Nam nào cấu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh”* *“phạm tội trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ thì khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm”*. Trong trường hợp này, Tòa án không được coi các tình tiết quy định tại Điều 51 là các tình tiết giảm nhẹ làm căn cứ quyết định hình phạt mà các tình tiết này chính là dấu hiệu định khung.

#### *2.2.2. Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Tòa án quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh*

Để có đánh giá tổng quan về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS, trước tiên tác giả đã thực hiện khảo sát chung về tình hình giải quyết các vụ án hình sự tại Tòa án Gò Vấp qua 05 năm từ 2013-2017 và 6 tháng đầu năm 2018, được thể hiện qua bảng số liệu dưới đây:

**Bảng 2.1: Số liệu thống kê tình hình giải quyết các vụ án hình sự từ năm 2013-2017 và 6 tháng đầu năm 2018 tại TAND quận Gò Vấp TP.HCM.**

| STT              | Năm  | Thụ lí |        | Giải quyết |        |
|------------------|------|--------|--------|------------|--------|
|                  |      | Vụ     | Bị cáo | Vụ         | Bị cáo |
| 01               | 2013 | 373    | 571    | 372        | 568    |
| 02               | 2014 | 370    | 546    | 370        | 546    |
| 03               | 2015 | 453    | 672    | 453        | 672    |
| 04               | 2016 | 432    | 643    | 432        | 643    |
| 05               | 2017 | 329    | 495    | 329        | 495    |
| 06               | 2018 | 131    | 185    | 116        | 135    |
| <b>Tổng cộng</b> |      | 2088   | 3112   | 2072       | 3059   |

*Nguồn:* Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP.HCM.

Qua số liệu thống kê về tình hình thụ lí và giải quyết các vụ án hình sự tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp cho thấy số lượng các vụ án hình sự trong 05 năm vừa qua mà Tòa án đã thụ lí và giải quyết là khá lớn. Số vụ án có xu hướng tăng theo các năm. Điều này cũng cho thấy tình hình tội phạm trên địa bàn quận Gò Vấp cũng tương đối phức tạp. Nhìn chung Tòa án Gò Vấp đã cố gắng giải quyết những tồn đọng, khắc phục những khó khăn nhất định để hoàn thành những chỉ tiêu đề ra. Các vụ án hình sự được xét xử kịp thời, đúng chỉ tiêu, số vụ án còn tồn đọng không đáng kể từ năm 2014 đã hạn chế xảy ra tình trạng án tồn.

Tòa án Gò Vấp nói riêng và các cơ quan tố tụng khác vẫn chưa có nhiều trường hợp giải quyết vụ án hình sự theo quy định mới do BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) vừa có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2018 nên khó có thể nhìn nhận một cách toàn diện so với thực tiễn áp dụng theo BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009). Theo số liệu hiện tại tại Tòa án Gò Vấp theo tổng kết 6 tháng đầu năm đã thụ lí 131 vụ án hình sự và giải quyết được 116 vụ.

Trong phạm vi nghiên cứu luận văn này, để làm rõ những vấn đề được đổi mới, hoàn thiện trong quy định của BLHS 2015 so với BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung

2009), đồng thời đưa ra những mục tiêu, phương hướng trong công cuộc áp dụng những quy định mới của PLHS, người viết đã tiến hành thu thập số liệu thống kê về tình hình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS từ 250 bản án hình sự từ năm 2013 - 2017 (theo BLHS 1999) và 50 bản án hình sự từ trong 6 tháng đầu năm 2018 theo BLHS 2015 được thể hiện qua các bảng số liệu sau đây:

**Bảng 2.2: Khảo sát các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được áp dụng theo khoản 1 điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009).**

| STT | Năm  | Số vụ | Số bị cáo | Điểm b | Điểm g | Điểm h | Điểm l | Điểm m | Điểm n | Điểm o | Điểm p  |
|-----|------|-------|-----------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| 01  | 2013 | 50    | 87        | 9      | 2      | 6      | 0      | 0      | 0      | 0      | 86      |
|     |      |       |           | 2,05 % | 0,46 % | 1,37 % | 0      | 0      | 0      | 0      | 19,6 %  |
| 02  | 2014 | 50    | 75        | 5      | 2      | 11     | 1      | 0      | 0      | 0      | 72      |
|     |      |       |           | 1,14 % | 0,46 % | 2,51 % | 0,23 % | 0      | 0      | 0      | 16,4 %  |
| 03  | 2015 | 50    | 96        | 6      | 0      | 9      | 0      | 1      | 0      | 0      | 94      |
|     |      |       |           | 1,37 % | 0      | 2,05 % | 0      | 0,23 % | 0      | 0      | 21,41 % |
| 04  | 2016 | 50    | 83        | 13     | 3      | 4      | 0      | 0      | 0      | 1      | 79      |
|     |      |       |           | 2,96 % | 0,68   | 0,91 % | 0      | 0      | 0      | 0,235  | 17,99 % |

|      |      |     |    |           |           |           |           |           |           |           |            |
|------|------|-----|----|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|------------|
| 05   | 2017 | 50  | 98 | 5         | 1         | 6         | 0         | 0         | 1         | 0         | 95         |
|      |      |     |    | 1,14<br>% | 0,23<br>% | 1,37<br>% | 0         | 0         | 0,23<br>% | 0         | 21,64<br>% |
| Tổng | 250  | 439 |    | 38        | 8         | 36        | 1         | 1         | 1         | 1         | 426        |
|      |      |     |    | 8,66<br>% | 1,82<br>% | 8,2%      | 0,23<br>% | 0,23<br>% | 0,23<br>% | 0,23<br>% | 97,04<br>% |

Nguồn: 250 bản tại TAND quận Gò Vấp từ năm 2013-2017.

Theo đó điểm b, điểm g, điểm h, điểm l, điểm m, điểm n, điểm o, điểm p trên bảng khảo sát tương ứng với các điểm b (người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả), điểm g (phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn), điểm h (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng), điểm l (người phạm tội là phụ nữ có thai), điểm m (người phạm tội là người già), điểm n (người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình), điểm o (người phạm tội tự thú), điểm p (người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”) khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009).

**Bảng 2.3: Khảo sát các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được áp dụng theo khoản 1 điều 51 BLHS 2015.**

| STT | Tình tiết                                                                              | Số lần được áp dụng | Tỉ lệ  |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------|
| 1   | Điểm b. Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả | 5                   | 7,46%  |
| 2   | Điểm h. Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn                 | 2                   | 2,99%  |
| 3   | Điểm i. Phạm tội lần đầu và thuộc trường                                               | 8                   | 11,94% |

|   |                                                            |    |       |
|---|------------------------------------------------------------|----|-------|
|   | hợp ít nghiêm trọng                                        |    |       |
| 4 | Điểm n. Người phạm tội là phụ nữ có thai                   | 1  | 1,5%  |
| 5 | Điểm r. Người phạm tội tự thú                              | 1  | 1,5%  |
| 6 | Điểm s. Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải | 56 | 83,6% |

*Nguồn:* 50 bản án tại TAND quận Gò Vấp trong 6 tháng đầu năm 2018.

Theo đó các tình tiết theo bảng thống kê 2.3 tương ứng với các tình tiết được quy định tại điểm b, điểm h, điểm i, điểm n, điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHSS 2015.

Ta nhận thấy hầu hết các bản án đều có áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật. Có 8 tình tiết giảm nhẹ được áp dụng trên tổng số 18 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) và có 6 trong tổng số 22 tình tiết được quy định theo khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Có thể nói sự quy định của PLHS là thực sự cụ thể, toàn diện nhất có thể ngay cả với những tình tiết chưa xảy ra hoặc không phổ biến trên thực tế.

Các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng với tần suất không đồng đều, có tình tiết được áp dụng nhiều, cũng có tình tiết ít được áp dụng hay chưa được áp dụng trong các bản án. Tình tiết được áp dụng khá phổ biến trong hầu hết các bản án là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa, tình tiết này nhằm khuyến khích người phạm tội có thái độ nhận lỗi nên cũng dễ dàng được áp dụng trong hầu hết các bản án, trừ khi người phạm tội có thái độ không chịu thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Điều này cho thấy cơ quan tiến hành tố tụng, mà cụ thể ở đây là Tòa án Gò Vấp luôn tạo cơ hội cho những bị cáo có nhận thức về hành vi sai trái của mình, có thái độ tốt. Tiếp đó là tình tiết “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” và “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” cũng được áp dụng khá nhiều. Cũng có những tình tiết ít xuất hiện như “người phạm tội là người già”, “người phạm tội là phụ nữ có thai”, “người phạm tội tự thú”. Khảo sát trên cho thấy một số trường hợp mang tính chất tương đối có áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS

trong thực tiễn. Các tình tiết không xuất hiện trong các bản án khảo sát xuất phát từ tình hình tội phạm trên địa bàn, phạm vi khảo sát, một số tình tiết có thể đã được sử dụng để định tội, định khung hoặc các trường hợp chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện áp dụng.

Cụ thể, có thể thấy những nội dung của các tình tiết giảm nhẹ TNHS được áp dụng trong một số bản án tiêu biểu được khảo sát như sau:

***Tình tiết “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” (điểm b, khoản 1, Điều 46 BLHS 1999, điểm b, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015)***

Thực tế tình tiết này được thể hiện trong các trường hợp xét xử của Tòa án quận Gò Vấp như sau: Bản án số 283/2016/HSST xét xử ngày 15/11/2016 của Tòa án quận Gò Vấp đối với bị cáo Phạm Hùng Vương về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Phạm Hùng Vương lợi dụng lòng tin của người bị hại là bà Phạm Thị Thiên Nga giao cho bị cáo quản lý tiền mặt và ngoại tệ của tiệm vàng, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 187.000.000 đồng của người bị hại. Ngày 16/05/2016, gia đình Vương đã thay Vương khắc phục hậu quả số tiền 80.000.000 đồng cộng với số tiền 21.000.000 đồng (tiền lương làm công của Vương còn lại mà bà Nga chưa trả) tất cả là 101.000.000 đồng cho bà Nga. Tại phần quyết định, Tòa án Gò Vấp tuyên bố bị cáo Phạm Hùng Vương phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 140 BLHS 1999. Đồng thời Tòa án cũng áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 “gia đình bị cáo và bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại” để giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Có thể thấy trong bản án này, tại thời điểm gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại, bị cáo Vương đang tạm giam nên việc bồi thường này cần được làm rõ là do tác động bị cáo mà gia đình bị cáo đã bồi thường cho người bị hại hay chính gia đình bị cáo bồi thường thay cho bị cáo. Trong bản án 283/2016/HSST lại không nêu rõ vấn đề này. Do đó, có đủ căn cứ cho rằng tình tiết giảm nhẹ TNHS “gia đình bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại” được Tòa án Gò Vấp áp dụng theo

khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Còn số tiền lương làm công của Vương (21.000.000 đồng) Tòa áp dụng theo điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS 1999.

Có thể thấy, trong thực tiễn xét xử, việc tự nguyện khắc phục hậu quả có thể do bị cáo hoặc gia đình bị cáo làm thay nhưng việc làm thay này phải dưới sự tác động của bị cáo thì Tòa án mới cân nhắc, xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”. Ngược lại, các vụ việc không có căn cứ chứng minh việc tự nguyện khắc phục hậu quả do gia đình bị cáo làm thay nhưng việc làm thay này không phải dưới sự tác động của bị cáo thì Tòa án quy về khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

***Tình tiết “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” (Điểm h, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015)***

Trên thực tế, khi áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn” Tòa án áp dụng chỉ ở mức độ nhất định. Mức độ giảm nhẹ TNHS ra sao còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác như: mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ thiệt hại (nếu có) như thế nào. Xét bản án số 192/2015/HSST ngày 28/05/2015 của Tòa án quận Gò Vấp xét xử bị cáo Trịnh Hồng Châu về tội “Đánh bạc”. Trong phần xét thấy Tòa án có nêu “hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi đề của bị cáo là một trong những tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Ngoài ra, từ việc đánh bạc còn thường dẫn đến những tội phạm khác như trộm cắp, gây rối trật tự công cộng, ảnh hưởng trật tự trị an ở địa phương”. Tiếp đến tòa nhận định: “Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét một số tình tiết bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, thiệt hại xảy ra không lớn, bị cáo cũng đã lớn tuổi, gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo”. Sau đó, phần quyết định Tòa căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 để giảm nhẹ TNHS cho bị cáo.

***Tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” (Điểm i, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, Điểm h, khoản 1, Điều 46 BLHS 1999)***

Xét bản án số 160/2017/HSST ngày 02/07/2017 của Tòa án Gò Vấp xét xử các bị cáo Võ Văn Thủy, Lê Thị Duyên, Trương Hồng Dũng về tội “đánh bạc”. Đối với bị cáo Võ Văn Thủy, do có nhân thân xấu đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm xử phạt y án 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa bị cáo Thủy thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Do đó, phần Quyết định bản án, Tòa án quận Gò Vấp áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 để xử phạt bị cáo Võ Văn Thủy 09(chín) tháng tù. Đối với các bị cáo Lê Thị Duyên, Trương Hồng Dũng Tòa đưa ra nhận định “gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, các bị cáo Lê Thị Duyên, Trương Hồng Dũng đều mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Tại cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Tòa án quận Gò Vấp áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 để tuyên phạt bị cáo Lê Thị Duyên và Trương Hồng Dũng 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 01(một) năm 06 (sáu) tháng. Có thể thấy Tòa án Gò Vấp áp dụng đúng tình tiết giảm nhẹ TNHS này. Cả hai bị cáo Duyên và Dũng đều mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Duyên và Dũng đóng vai trò thứ yếu trong vụ án đồng phạm giản đơn này. “Bị cáo Thủy rủ rê bị cáo Duyên và Dũng tham gia quản lý tại sòng bạc”.

Như vậy, việc áp dụng tình tiết tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 là hoàn toàn hợp lý và có cơ sở.

***Tình tiết “Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên” (điểm o, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015)***

Theo khảo sát thì chưa có trường hợp cụ thể tại Tòa án Gò Vấp có áp dụng tình tiết này theo quy định của BLHS 2015, mà chỉ có duy nhất 1 trường hợp áp dụng tình tiết “người phạm tội là người già” theo điểm m khoản 1 Điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009). Đó là trường hợp tại bản án số 192/2015/HSST ngày 28/5/2015 đối với bị cáo Trịnh Hồng Châu, sinh năm 1938 về tội “Đánh bạc”, HĐXX xem xét “bị cáo đã lớn tuổi” nên có áp dụng điểm m khoản 1 điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Nhìn chung, xét theo độ tuổi, dựa trên các bản án đã thu thập được tại TAND quận Gò Vấp cho thấy phần lớn các bị cáo phạm tội với tuổi đời còn khá trẻ.

***Tình tiết “Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình” (điểm q, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm n khoản 1 Điều 46 BLHS 1999)***

Bản án số 106/2017 HSST ngày 12/05/2017 xét xử bị cáo Phạm Ngọc Hùng về tội “trộm cắp tài sản” có áp dụng điểm n khoản 1 Điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009) theo nhận định do “bị cáo bị thiếu năng”. Tuy nhiên nội dung bản án lại không nêu rõ căn cứ chứng minh để kết luận bị cáo “thiếu năng” cũng như tình trạng của bị cáo đủ căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ này. Hiện tại kết quả khảo sát cũng cho thấy chưa có trường hợp áp dụng tình tiết này theo quy định của BLHS 2015 đồng thời thực tiễn cũng còn nhiều khó khăn xác định chính xác bị cáo là “người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình”.

***Tình tiết “Người phạm tội tự thú” (điểm r, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS 1999)***

Trên thực tế rất dễ nhầm lẫn tình tiết tự thú và đầu thú. Người viết cũng đã tìm hiểu được một số bản án có áp dụng hai tình tiết này:

Tự thú: Bản án số 282/2016/HSST ngày 15/11/2016 của TAND Gò Vấp về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. HĐXX đã viện dẫn lí do “khi bị mất tài sản người bị

hại không trình báo nhưng bị cáo đã chủ động đến cơ quan công an” để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm o khoản 1 Điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009).

Đầu thú: Bản án số 254/2017/HSST ngày 29/11/2017 TAND Gò Vấp xét xử bị cáo Lê Chí Phi về tội “Cố ý gây thương tích”, tình tiết đầu thú đã được áp dụng theo khoản 2 Điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009). Bản án nêu rõ “sau khi gây án bị cáo bỏ trốn, cơ quan điều tra ra lệnh truy nã và tạm đình chỉ điều tra”. Đến ngày 07/9/2017 thì bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Thực tế cho thấy, rất khó xác định việc bị cáo đã biết mình không thể trốn tránh được nên đến đầu thú với trường hợp có thể trốn tránh, chưa bị phát hiện nhưng vẫn đến tự thú. Biểu hiện rõ nhất để xem xét trường hợp áp dụng tình tiết đầu thú là “bị cáo đã bỏ trốn và có lệnh truy nã”.

***Tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” (điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015, điểm p, khoản 1 Điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009)***

Theo các bản án trước đây, căn cứ theo điểm p điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) tình tiết này được áp dụng rất thường xuyên và phổ biến. Hầu như bản án nào mà người phạm tội chịu nhận tội, khai báo đầy đủ, đúng đắn đều được cân nhắc. Trường hợp không đủ điều kiện áp dụng tình tiết này là do người phạm tội không chịu nhận tội, khai báo sai lệch sự thật, không đầy đủ. Ví dụ: Theo bản án hình sự sơ thẩm số 40/2017/HSST ngày 15/02/2017 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử bị cáo Nguyễn Xuân Hòa theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về tội “Cố ý gây thương tích”, xét thái độ của bị cáo không thành khẩn khai báo nên không được giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009). Cụ thể, bị cáo đã thừa nhận hành vi gây thương tích cho người bị hại nhưng không thừa nhận vết thương trên đỉnh đầu người bị hại là do mình gây ra. Căn cứ vào kết quả giám định, các chứng cứ khác có trong hồ sơ của vụ án, hội đồng xét xử xét thấy hành vi không thừa nhận của bị cáo

là không có cơ sở. Mặc khác căn cứ vào lời khai bị cáo khẳng định không có đồng phạm nào khác. Như vậy để áp dụng tình tiết giảm nhẹ cần có sự nhìn nhận từ nhiều phương diện, áp dụng nhiều phương pháp khác nhau để đưa đến kết luận chính xác nhất. Nhờ đó mà những trường hợp không đủ điều kiện để áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS được loại bỏ dù không có hướng dẫn cụ thể.

Để đánh giá tình hình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được Tòa án tùy nghi áp dụng theo khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, ta cũng tiến hành khảo sát các bản án qua các năm tại TAND quận Gò Vấp, được thể hiện qua bảng số liệu dưới đây:

**Bảng 2.4: Khảo sát các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã được Tòa án tùy nghi áp dụng**

| ST<br>T | Năm  | Số<br>vụ<br>án<br>khảo<br>sát | Số bị<br>cáo | Khoản 2 điều 46     |       | Khoản 2 điều 51     |       |
|---------|------|-------------------------------|--------------|---------------------|-------|---------------------|-------|
|         |      |                               |              | Số vụ án<br>áp dụng | Tỉ lệ | Số vụ án<br>áp dụng | Tỉ lệ |
| 01      | 2013 | 50                            | 87           | 49                  | 98%   | 0                   | 0     |
| 02      | 2014 | 50                            | 75           | 45                  | 90%   | 0                   | 0     |
| 03      | 2015 | 50                            | 96           | 50                  | 100%  | 0                   | 0     |
| 04      | 2016 | 50                            | 83           | 47                  | 94%   | 0                   | 0     |
| 05      | 2017 | 50                            | 98           | 41                  | 82%   | 0                   | 0     |
| 06      | 2018 | 50                            | 67           | 0                   | 0     | 50                  | 100%  |

Nguồn: 300 bản án tại TAND quận Gò Vấp

(Từ 2013-2017: mỗi năm 50 bản án; 6 tháng đầu năm 2018: 50 bản án).

Theo kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các bản án đều có áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009), chiếm tỉ lệ cao. Còn theo các bản án trong 6 tháng đầu năm 2018 thì các bản án được khảo sát đều có áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Thông thường các tình tiết này được Tòa án xem xét thuộc về nhân thân người phạm tội. “Tình tiết giảm nhẹ khác” được Tòa án áp dụng thường xuyên là: gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài ra thì có các tình tiết khác như: đầu thú, người bị hại đã xin giảm nhẹ cho bị cáo, lỗi một phần do người bị hại, tài sản được thu hồi trả lại cho người bị hại,...

Việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo sự tùy nghi của Tòa án trong thực tiễn đôi khi thiếu chính xác. Một trong những nguyên nhân của sự không chính xác là thẩm phán chưa nhận thức đúng hoặc chưa tuân theo các tiêu chí xác định tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Thực tiễn áp dụng của tình tiết giảm nhẹ theo sự lựa chọn của Tòa án cũng bộc lộ một số hạn chế như trong bản án không chỉ rõ lý do của việc áp dụng tình tiết đó là tình tiết giảm nhẹ. Cụ thể là tại bản án số 209/2015/HSST ngày 19/09/2015 của TAND quận Gò Vấp đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Tiến Thanh về tội “Cướp giật tài sản” và Lương Tân Phi về tội “Tiêu thụ tài sản do người phạm tội mà có”. HĐXX đã cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) nhưng nội dung bản án không có nêu rõ lý do áp dụng trong phần nhận định. Hơn nữa, bị cáo Thanh quanh co chối tội, không thừa nhận hành vi của mình. Hay tại bản án số 01/2015/HSST ngày 05/01/2015 xét xử bị cáo Nguyễn Lâm Sinh phạm tội “Trộm cắp tài sản” có áp dụng khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) có áp dụng điểm h,p khoản 1 điều 46 và khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) nhưng chỉ lý giải tại phần nhận định hai tình tiết được áp dụng theo điểm h và điểm p mà không có lý giải về khoản 2 Điều 46. Điều này dẫn đến hai trường hợp, có thể do sai sót trong quá trình soạn thảo cũng có thể do việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS khi chưa đủ căn cứ.

Những hạn chế sai sót trong thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS đã làm ảnh hưởng đến tính chính xác của phán quyết của Tòa án, đến chất lượng xét xử nên ở mức độ nhất định cũng làm giảm hiệu quả trong phòng chống tội phạm.

## **Tiểu kết Chương 2**

Từ những vấn đề đã được phân tích ở chương 2, luận văn đã ghi nhận một số kết quả nghiên cứu. Đồng thời luận văn nêu lên 03 nguyên tắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS như: Các tình tiết giảm nhẹ TNHS chỉ được áp dụng để quyết định hình phạt khi có đủ các căn cứ luật định; Tòa án có quyền tùy nghi trong việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS thể hiện ở quyền được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác ngoài quy định của PLHS nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án; mức độ giảm nhẹ của các tình tiết giảm nhẹ có thể thay đổi trong từng trường hợp cụ thể; Các tình tiết tuy có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS nhưng đã là tình tiết định tội, định khung hình phạt giảm nhẹ thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Bằng các số liệu thống kê khảo sát thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS được BLHS quy định cũng như các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác do Tòa án tùy nghi áp dụng. Đánh giá thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS, luận văn đã chỉ ra được bất cập của BLHS và một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng.

Việc chỉ ra được những sai sót và nguyên nhân của những sai sót trong thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS từ thực tiễn xét xử của Tòa án quận Gò Vấp. Đây là cơ sở thực tiễn để đưa ra kiến nghị hoàn thiện PLHS và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Tác giả nhận thấy cần phải sớm ban hành văn bản hướng dẫn BLHS 2015 vì lý do cơ bản sau: Xã hội ngày càng phát triển các văn bản cũ không còn phù hợp để điều chỉnh các quan hệ xã hội ngày càng phức tạp, do đó đặt ra nhu cầu phải ban hành những văn bản mới để thích ứng với tình hình mới trong xã hội; BLHS 2015 ra đời đã bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS hoàn toàn mới đòi hỏi cấp thiết phải ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể để tránh tình trạng có nhiều cách hiểu khác nhau giữ các chủ thể thi hành pháp luật. Cùng một quy định nhưng lại có nhiều cách áp dụng khác nhau, dẫn tới sự bất công bằng giữa các chủ thể phạm và tạo ra sự tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật.

### **Chương 3**

## **CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH VỀ CÁC TÌNH TIẾT GIẢM NHỆ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ**

### **3.1 Yêu cầu áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự**

Từ tình hình giải quyết các vụ án hình sự nói chung và cụ thể về áp dụng các quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại địa bàn quận Gò Vấp cho thấy cần đáp ứng một số yêu cầu để các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự một cách đúng đắn.

Về chủ quan, trước hết là đòi hỏi sự nhìn nhận đúng đắn của chủ thể áp dụng các quy định của PLHS về tình tiết giảm nhẹ TNHS mà cụ thể là sự nhận thức đầy đủ, thống nhất về mặt cơ bản các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điều 51 BLHS 2015. Quá trình nhận thức đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố nhưng trên hết là ý thức trách nhiệm của chủ thể áp dụng trong việc không ngừng rèn luyện, nâng cao trình độ nhận thức.

Việc áp dụng các quy định của pháp luật về tình tiết giảm nhẹ TNHS đảm bảo đúng mục đích trong việc thể hiện những vai trò cốt lõi như chính sách nhân đạo xã hội chủ nghĩa và các nguyên tắc khác như bảo vệ quyền con người, cá thể hóa hình phạt, thực hiện đúng mục đích của hình phạt, đáp ứng tinh thần đấu tranh trong tình hình diễn biến phức tạp của tội phạm,...

Về khách quan, các quy định của PLHS về tình tiết giảm nhẹ cần có sự thống nhất và không ngừng hoàn thiện trong quá trình lập pháp. Các hướng dẫn cần cụ thể, tránh gây nhầm lẫn, có sự cập nhật phù hợp trong tình hình mới.

Các quy định của PLHS về tình tiết giảm nhẹ trong điều kiện mở cửa, đổi mới cũng cần sự học hỏi, tiếp thu từ các thành tựu áp dụng ở các quốc gia khác trên thế giới.

### **3.2 Đánh giá tổng quan những bất cập trong quy định của Bộ luật Hình sự 2015 và những vướng mắc sai sót trong thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh**

Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật về tình tiết giảm nhẹ cũng như thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại Tòa án Gò Vấp cho thấy những đóng

góp quan trọng của các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong việc giải quyết vụ án. TAND quận Gò Vấp cũng khá chú trọng xem xét áp dụng đầy đủ, chính xác các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho các bị cáo. Tuy nhiên bất cứ quy định nào dù toàn diện đến đâu cũng không tránh khỏi những mặt hạn chế nhất định cũng như việc áp dụng các quy định trên thực tế vẫn gặp phải những khó khăn, vướng mắc. Những sai sót trong thực tiễn áp dụng quy định của BLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thể hiện ở một số bất cập của BLHS và vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

### ***Bất cập trong quy định của BLHS 2015 về các tình tiết giảm nhẹ TNHS***

Khoản 2 Điều 51 BKLHS quy định: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi đầu thú hoặc các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án”*.

Quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 có sự thay đổi so với BLHS 1999 về việc bổ sung tình tiết “đầu thú” được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Có thể nhận thấy được sự công nhận tình tiết “đầu thú” nhằm khuyến khích việc sớm ra nhận tội của người phạm tội. Việc quy định tình tiết đầu thú tại khoản 2 Điều 51 là sự ghi nhận chính thức giá trị giảm nhẹ TNHS của tình tiết này trong PLHS nhưng xét về phương diện kỹ thuật lập pháp thì chưa bảo đảm tính nhất quán thể hiện ở các điểm sau đây:

Sự thiếu nhất quán đầu tiên trong quy định của khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 là sự mâu thuẫn giữ quy định bắt buộc với quy định tùy nghi ngay trong một điều luật. Đặc trưng của quy định tại khoản 2 Điều 51 là trao cho Tòa án quyền tùy nghi lựa chọn các tình tiết giảm nhẹ khác ngoài quy định của PLHS. Việc quy định tình tiết đầu thú tại khoản này mâu thuẫn với tính tùy nghi của điều luật (vì luật đã chỉ định rõ tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng).

Thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ do Tòa án lựa chọn đã tổng hợp được một số tình tiết được áp dụng khá phổ biến như đầu thú, lỗi của người bị hại, gia đình người phạm tội đã bồi thường thiệt hại v.v.. Việc quy định tình tiết đầu thú mà không quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác đã được thực tiễn thừa nhận vào

trong BLHS thể hiện sự phân biệt giữa đầu thú với các tình tiết còn lại. Vậy cơ sở của sự phân biệt này là gì? Qua nghiên cứu tình tiết đầu thú với các tình tiết giảm nhẹ khác, chúng tôi không thấy cơ sở của sự phân biệt giữa đầu thú với các tình tiết giảm nhẹ khác. Cách quy định như vậy thể hiện sự thiếu nhất quán trong kỹ thuật lập pháp.

### ***Các vướng mắc của thực tiễn áp dụng quy định BLHS về các tình tiết giảm nhẹ TNHS***

#### ***Vướng mắc trong nhận thức nội dung và điều kiện của các tình tiết giảm nhẹ TNHS***

Thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho thấy mặc dù BLHS quy định rõ các tình tiết giảm nhẹ TNHS nhưng vẫn còn có những tình tiết được Tòa án áp dụng chưa chính xác. Nguyên nhân của tình trạng này là do nhận thức chưa thống nhất về nội dung và điều kiện của một số tình tiết giảm nhẹ TNHS. Trước những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo BLHS 1999, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Việc tiếp tục sử dụng các Nghị quyết này để vận dụng áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo BLHS 2015 là không hợp lý thể hiện ở các điểm sau:

Không phù hợp về hiệu lực: Xét về hiệu lực theo thời gian, hiện nay BLHS 1999 đã hết hiệu lực thi hành. BLHS 2015 đã có hiệu lực thi hành và thay thế cho BLHS 1999. Những giải thích các điều luật của BLHS 1999 không thể mặc nhiên được áp dụng trực tiếp cho BLHS 2015

Hơn nữa, BLHS 2015 đã quy định bổ sung một số tình tiết giảm nhẹ TNHS mới cần phải được giải thích kịp thời.

Do vậy, cần sớm có văn bản giải thích quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo BLHS 2015.

*Vướng mắc trong thực tiễn áp dụng theo quyền tùy nghi của Tòa án (quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 hoặc khoản 2 Điều 46 BLHS 1999)*

Sai sót trong thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS do Tòa án tùy nghi lựa chọn một số tình tiết không có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS làm tình tiết giảm nhẹ TNHS là loại sai sót thường gặp. Tìm hiểu nguyên nhân chính loại sai sót này là do một số thẩm phán chưa nắm vững các tiêu chí xác định một tình tiết có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS. Do vậy, việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 (cũng như khoản 2 Điều 46 BLHS BLHS 1999) dễ dẫn đến nhiều quan điểm đánh giá tình tiết áp dụng không thuyết phục. Như trường hợp tình tiết “tài sản đã được thu hồi và trả lại”, có quan điểm cho rằng áp dụng tình tiết trên chưa thật sự xứng đáng để giảm nhẹ TNHS cho bị cáo.

### **3.3. Hoàn thiện pháp luật hình sự về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự**

BLHS 2015 ra đời là sự kế thừa và tiếp nối BLHS các qua các năm 1985, 1989, 1999. Trải qua từng giai đoạn, BLHS dần trưởng thành và dần hoàn thiện hơn cả về nội dung lẫn hình thức. Song song với quá trình đó, BLHS mới ra đời và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 vẫn còn tồn tại bất cập cần hoàn thiện.

Bất cập của BLHS 2015 trong quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS chủ yếu thể hiện ở một số trường hợp hạn chế trong việc nhận thức, chưa thống nhất trong áp dụng về các quy định ở khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, sự thiếu nhất quán về kỹ thuật lập pháp trong quy định của khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

Khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 quy định tình tiết giảm nhẹ TNHS “đầu thú” vào nhóm các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác. Để đảm bảo tính nhất quán, nếu đã quy định điều khoản tùy nghi ở khoản 2 này thì chỉ nên quy định là khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.

Từ những phân tích trên, cần sửa đổi khoản 2 Điều 51 BLHS theo hướng không quy định tình tiết đầu thú tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 và nội dung sửa đổi như sau:

Khoản 2 Điều 51 BKLHS quy định: *“Khi quyết định hình phạt, Tòa án có thể coi các tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án”*

Khoản 2 Điều 51 BLHS quy định Tòa án có quyền lựa chọn các tình tiết không được BLHS quy định làm tình tiết giảm nhẹ. Điều đó có nghĩa đặc trưng của khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 quy định về quyền tùy nghi của Tòa án trong việc lựa chọn và xác định tình tiết giảm nhẹ TNHS ngoài quy định của PLHS. Việc quy định tình tiết đầu thú trong điều khoản này mâu thuẫn với tính chất tùy nghi mà điều luật quy định. Do vậy, bỏ quy định tình tiết đầu thú ra khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 sẽ bảo đảm sự nhất quán của nội dung điều luật.

Từ những phân tích định hướng hoàn thiện pháp luật trên, BLHS 2015 cần lưu tâm và khắc phục những thiếu sót dần đi đến trở thành bộ luật vừa phù hợp lý luận và có ý nghĩa định hướng đúng cho thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

### **3.4. Các giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng quy định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự**

#### *3.4.1. Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất quy định của pháp luật về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*

Những vướng mắc của thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS thường tập trung ở vận dụng không đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS được BLHS quy định. Nguyên nhân của tình trạng này là do một số tình tiết giảm nhẹ TNHS chưa được hiểu thống nhất. Để bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức đúng nội dung và vận dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ TNHS, giải thích pháp luật có ý nghĩa hết sức quan trọng. Thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo BLHS 2015 đặt ra một số vấn đề cần được giải thích

*Thứ nhất, cần ban hành văn bản giải thích các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS*

Tiếp thu và chỉnh sửa giải thích của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về các tình tiết giảm nhẹ TNHS được BLHS 2015 tiếp tục quy định.

BLHS 2015 vẫn tiếp tục quy định nhiều tình tiết giảm nhẹ đã được ghi nhận trong BLHS 1999. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã giải thích một số tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS, tập trung nhất tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 12/05/2006 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS 1999, trong đó giải thích nội dung của nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Hầu hết các tình tiết giảm nhẹ này vẫn tiếp tục được quy định trong BLHS 2015 nên cần tiếp thu nội dung giải thích của Nghị quyết này.

Giải thích nội dung của các tình tiết giảm nhẹ TNHS mới được quy định trong BLHS 2015:

BLHS 2015 quy định bổ sung một số tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Đó là các tình tiết như “phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội”; “phạm tội trong trường hợp hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra”; “người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng”; “người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ”.

*Thứ hai, giải thích tiêu chí xác định các tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 BLHS 2015*

Thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho thấy, sai sót thường gặp trong áp dụng các tình tiết giảm nhẹ do Tòa án tùy nghi lựa chọn theo khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 (khoản 2 Điều 46 BLHS 1999) cho thấy một số tình tiết được Tòa án áp dụng không có ý nghĩa giảm nhẹ TNHS. Nguyên nhân phổ biến của sai sót này là do thẩm phán chưa chú ý đến các tiêu chí xác định tình tiết giảm nhẹ TNHS. Theo lý luận, một tình tiết được coi là tình tiết giảm nhẹ TNHS thì phải căn cứ vào một trong ba tiêu chí sau:

Là tình tiết làm giảm bớt mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi

Là tình tiết phản ánh khả năng tiếp thu của người phạm tội về những biện pháp giáo dục cải tạo mà Nhà nước áp dụng đối với họ.

Là tình tiết phản ánh hoàn cảnh đặc biệt của người phạm tội đáng được khoan hồng đặc biệt.

Những tiêu chí này nên được ghi nhận trong Hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 BLHS để làm hướng dẫn lựa chọn đúng tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Khoản 2 điều 51 BLHS 2015: Những quy định về “tình tiết khác” tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999 hướng dẫn khoản 2 Điều 46 BLHS 1999(sửa đổi, bổ sung 2009) có thể được áp dụng cho khoản 2 Điều 51 trên cơ sở giữ lại các tình tiết còn phù hợp, qua đó có sự sửa đổi các tình tiết đã thay đổi trong BLHS 2015, điển hình là tình tiết “*Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em ruột bị cáo là người có công với nước hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự như: anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, người mẹ Việt Nam anh hùng, nghệ sỹ nhân dân, nghệ sỹ ưu tú, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú hoặc các danh hiệu cao quý khác theo quy định của Nhà nước*”. Tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 quy định tình tiết có tính chất dễ gây nhầm lẫn với tình tiết trên là “*người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sỹ*” và tại điểm v khoản 1 Điều 51 “*người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác*”. Như vậy, “người có công với nước” và “người có công với cách mạng” có liên quan về cách hiểu hay không? “Người có thành tích xuất sắc” cùng được quy định tại hai tình tiết có tương đồng hay không? Nếu đây là các tình tiết riêng biệt và theo quy định hiện hành vẫn công nhận thì cần có sự giải thích rõ ràng để phân biệt, còn nếu đó là những tình tiết thật sự tương đồng và quy định của Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP là cách giải thích chi tiết các tình tiết tại hai điểm v, x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 thì cũng cần quy định lại một cách rõ ràng và bỏ khỏi nội dung “các tình tiết khác” theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Thứ ba, cần ban hành văn bản hướng dẫn phân biệt các tình tiết giảm nhẹ với một số tình tiết định tội, định khung hay tội danh có tính chất tương tự:

Cụ thể, cần xác định rõ trường hợp nào áp dụng tình tiết giảm nhẹ, trường hợp nào áp dụng định tội giữa điểm e khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 “*phạm tội trong*

*trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” với “tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” (Điều 125 BLHS 2015) hay “tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” (Điều 135 BLHS 2015). Việc phân biệt này có ý nghĩa to lớn trong việc định tội và quyết định hình phạt một cách đúng đắn. Theo đó, dựa trên mức độ nghiêm trọng: tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 mức độ ít nghiêm trọng hơn so với quy định tại điều 125 và Điều 135 BLHS 2015. Về trạng thái kích động, người phạm tội được quy định tại Điều 125 và điều 135 BLHS phải ở trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Để xác định thế nào là trạng thái tinh thần bị kích động mạnh, căn cứ quy định tại Chương 2 Nghị quyết số 04/HĐPTANDTC/NQ ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự: “*Tình trạng tinh thần bị kích động là tình trạng người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình.*”.*

Tương tự, cũng cần có sự phân biệt rõ ràng giữa các tình tiết định tội, định khung với các tình tiết giảm nhẹ TNHS khác như “*phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*” (điểm c khoản 1 Điều 51 BLHS 2015), “*phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết*” (điểm d khoản 1 Điều 51 BLHS 2015). Trường hợp bị cáo có đồng thời cả tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng TNHS thì cách thức áp dụng các tình tiết trong quyết định hình phạt sẽ đặt ra vấn đề cần giải thích. Theo xem xét thực tiễn xét xử và lập luận dưới góc nhìn người nghiên cứu, quan điểm về vấn đề này như sau: Điều này đặt ra vấn đề trách nhiệm của Hội đồng xét xử trong việc cân nhắc, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS. Thông thường có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn tình tiết tăng nặng thì bị cáo được xem xét giảm nhẹ TNHS hơn và ngược lại nếu có nhiều tình tiết tăng nặng hơn, có ít hoặc không có tình tiết giảm nhẹ thì bị cáo phải chịu TNHS cao hơn.

Sau những nỗ lực xây dựng các quy định về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ngoài việc chú trọng hiệu quả áp dụng cũng cần có công tác thông báo công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Điều này vừa đảm bảo được tính dân chủ vừa là sự kiểm chứng tính đúng đắn khá hữu hiệu, qua đó góp phần nâng cao khả năng hoàn thiện các quy định của pháp luật.

#### *3.4.2. Nâng cao năng lực chuyên môn, ý thức pháp luật và trách nhiệm nghề nghiệp của các chủ thể áp dụng pháp luật*

##### *Giải pháp nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ thực thi pháp luật*

Để nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật nói chung và các tình tiết giảm nhẹ TNHS nói riêng thì nhân tố con người đóng vai trò vô cùng quan trọng. Một trong những nguyên nhân dẫn đến một số sai sót trong áp dụng các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS là do sự hạn chế về năng lực chuyên môn của thẩm phán chưa nắm vững nội dung của các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS 2015 (khoản 2 Điều 46 BLHS 1999), chưa nắm đúng các tiêu chí xác định tình tiết giảm nhẹ TNHS khi áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 (khoản 2 Điều 46 BLHS 1999). Do vậy cần tổng kết định kỳ thực tiễn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong thực tiễn xét xử, tổ chức các lớp tập huấn theo chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ thực thi pháp luật.

##### *Giải pháp nâng cao ý thức pháp luật và trách nhiệm nghề nghiệp của cán bộ thực thi pháp luật*

Ý thức pháp luật và trách nhiệm nghề nghiệp là những yếu tố tác động đến chất lượng xét xử trong đó có chất lượng áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Việc áp dụng đúng pháp luật phụ thuộc nhiều vào ý thức pháp luật và trách nhiệm nghề nghiệp của cán bộ thực thi pháp luật trong đó có thẩm phán.

Để vận dụng quy định của pháp luật, thì ý thức pháp luật và trách nhiệm nghề nghiệp được đề cao. Khi đã trang bị đủ kiến thức pháp luật thì điều đang lưu tâm hơn cả là đạo đức nghề nghiệp. Bất kể lĩnh vực nào cũng vậy, các chủ thể khi hành nghề đều phải có đạo đức nghề nghiệp.

Trong thời điểm hiện tại, rất may đại bộ phận cán bộ thi hành pháp luật ở nước ta có đủ năng lực pháp luật, ý thức pháp luật và trách nhiệm nghề nghiệp. Điều đó có được là nhờ quá trình tập huấn chuyên sâu cán bộ, mở các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ được thực hiện định kì. Qua tập huấn, các cán bộ được trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản trong thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Đây là điều kiện để cho đội ngũ cán bộ nắm vững nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền, để từ đó thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ quan, đơn vị.

Bên cạnh đó, cũng tồn tại không ít hạn chế. Một số cán bộ không được trang bị đủ năng lực pháp luật, ý thức pháp luật và thiếu trách nhiệm nghề nghiệp dẫn đến oan sai xảy ra trong những năm gần đây. Điển hình như: vụ án oan Hàn Đức Long, vụ án Nguyễn Thanh Chấn ngồi tù 10 năm khiến gia đình tan nát, vụ án “vườn điều” khiến ông Nén và cả gia đình vướng vòng lao lý... Những vụ oan sai xảy ra trong thời gian gần đây làm dấy lên nghi vấn về đội ngũ cán bộ điều tra, truy tố, xét xử. Phải chăng oan sai xảy ra là do những cán bộ này thiếu năng lực pháp luật dẫn đến đưa ra phán quyết sai lầm hay họ hoàn toàn có năng lực pháp luật nhưng thiếu ý thức và trách nhiệm nghề nghiệp do góc tối sau đó. Do đó, cần phải tăng cường chế độ trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ. Trong những năm gần đây, nhận thức được điều đó, Đảng và nhà nước ta đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Thanh tra, kiểm tra đội ngũ cán bộ điều tra, truy tố, xét xử là vô cùng cần thiết và quan trọng. Góp phần chỉnh đốn lại hàng ngũ cán bộ cả về bên trong lẫn bên ngoài, ý thức lẫn tác phong nghề nghiệp.

Điều 56, Điều 8 Hiến pháp 2013, có nêu rõ: *“Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền”* *“Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng trong hoạt động kinh tế xã hội và quản lý nhà nước”*. Tiếp đến, trong cuốn Chính sách mới đối với cán bộ công chức, viên chức nêu: Cán

bộ, công chức là một mắt xích quan trọng không thể thiếu của bất kì nền hành pháp nào. Đội ngũ này có vai trò thực thi pháp luật để quản lý các lĩnh vực đời sống xã hội, đảm bảo hiệu lực của đường lối thể chế. Cán bộ, công chức có nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật trong cuộc sống, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội phù hợp với mục tiêu dân chủ xã hội chủ nghĩa. Để làm thực thi điều khoản trên, để “chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền” thì công tác cán bộ là nhiệm vụ cấp bách, chiến lược. Chế độ chính sách cán bộ nói chung và chế độ chính sách cán bộ thực thi pháp luật hình sự nói riêng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nhà nước ta nói chung và đóng vai trò thành – bại trong công cuộc thực thi pháp luật hình sự nói riêng. Chính những chính sách đãi ngộ trước đây và ngay cả chính sách đãi ngộ ở thời điểm hiện tại được Nhà nước ta đặc biệt lưu tâm. Việt Nam đã phê chuẩn công ước chống tham nhũng (UNCAC). Chính vì vậy, công cuộc nội luật hóa công ước này để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực thi pháp luật là điều bắt buộc. Để thực hiện công tác trên, cần thiết sự phối hợp giữa các ban ngành đoàn thể các cấp. Cấp trên đưa ra chỉ đạo, hoạch định kế hoạch, đôn đốc cấp dưới thực hiện những hoạch định đó. Cấp dưới cũng cần phải phối hợp thực hiện theo đúng những chỉ đạo đó. Đồng thời giữ vững lập trường, đạo đức nghề nghiệp khi thực thi pháp luật. Trong quá trình đó, thanh tra kiểm tra là vô cùng cần thiết và mang tính chất giám sát, tháo gỡ khó khăn vướng mắc của cấp dưới. Từ đó, pháp luật được thực thi hiệu quả và đúng ý chí, tinh thần của các nhà lập pháp.

Đồng thời, cần có chế tài nghiêm khắc xử lý những cán bộ, công chức có hành vi sai trái, tham nhũng, quan liêu...Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm không nhưng thể hiện tính chất răn đe mà còn làm bài học cho đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật khác. Từ đó, nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về tình tiết giảm nhẹ TNHS ở nước ta hiện nay.

### **Tiểu kết Chương 3**

Trên cơ sở kết quả phân tích đánh giá quy định của PLHS và thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, luận văn đã tập trung đề xuất giải pháp theo hai hướng: Hoàn thiện quy định của BLHS 2015 về các tình tiết giảm nhẹ TNHS và đề xuất các giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng của BLHS 2015 về các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Về hoàn thiện PLHS, luận văn đề xuất cần hoàn thiện quy định của khoản 2 Điều 51 BLHS theo hướng bỏ quy định cụ thể (tình tiết đầu thứ) tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 nhằm bảo đảm tính nhất quán về nội dung của điều luật.

Về giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS, luận văn đã đưa ra một số giải pháp như đề xuất việc áp dụng các biện pháp cụ thể nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, ý thức pháp luật, trách nhiệm nghề nghiệp của cán bộ thực thi pháp luật nói chung và thẩm phán nói riêng.

Những giải pháp nêu trên sẽ tháo gỡ được những khó khăn vướng mắc trong thực tiễn áp dụng quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS, định hướng đúng cho hoạt động xét xử. Nhờ vậy mà góp phần nâng cao hiệu quả trong đấu tranh phòng chống tội phạm

## KẾT LUẬN

Các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong BLHS 2015 đã và đang có một ý nghĩa hết sức to lớn, thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật nước ta. Khi đưa ra một phán quyết nào đó, Tòa án phải cân nhắc nhiều yếu tố. Trong đó, các tình tiết giảm nhẹ TNHS là một trong những cơ sở quan trọng để quyết định hình phạt.

Với đề tài nghiên cứu khoa học “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh” đã phân nào thể hiện cái nhìn tổng quan về khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, phân loại cũng như sơ lược về quá trình hình thành và phát triển các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Qua đó, bày tỏ quan điểm các nguyên tắc áp dụng các tình tiết, đánh giá tổng quan bất cập trong quy định về các tình tiết giảm nhẹ TNHS. Trong phạm vi bài nghiên cứu, tác giả đã đưa ra định hướng hoàn thiện pháp luật hình sự hiện hành cũng như đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định các tình tiết giảm nhẹ TNHS.

Với những vấn đề được phân tích ở trên, hy vọng sẽ mang đến cho cơ quan thực thi pháp luật có cái nhìn toàn diện hơn trong quá trình tiếp cận cũng như vận dụng các quy định này vào thực tế điều tra, khởi tố, truy tố, xét xử. Từ đó, pháp luật được hiểu một cách thống nhất, người phạm tội được cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ TNHS một cách đúng đắn, công bằng nhất. Vừa thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật hình sự Việt Nam, vừa tạo Điều kiện cho người phạm tội kết thúc quá trình chấp hành hình phạt sớm quay về hòa nhập với cộng đồng. Trở thành công dân tốt có ích cho xã hội. Từ đó, nhiệm vụ của pháp luật hình sự cũng đạt được.

Tuy nhiên, BLHS 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Do đó, vận dụng các Điều khoản trên thực tế là cả quá trình dài. Tại thời điểm nghiên cứu phân tích vấn đề lý luận “Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh” BLHS 2015 chỉ mới có hiệu lực nên bài viết chỉ mới khai thác phần nào về lý luận cũng như thực tiễn. Trải qua thời gian, BLHS sẽ dần bộc lộ được điểm mạnh cũng như hạn chế của mình. Nối tiếp BLHS 2015, các BLHS ra đời sau này chắc chắn sẽ hoàn thiện hơn

cả về nội dung lẫn hình thức để trở thành công cụ thực hiện nhiệm vụ của pháp luật hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 1 BLHS 2015 “bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm”.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tư pháp - Viện khoa học pháp lý (2006) *Từ điển luật học*, Nxb Tư pháp.
2. Lê Cẩm (2005) *Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự phần chung*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Lê Cẩm và Trịnh Tiến Việt (2002) “Nhân thân người phạm tội: Một số vấn đề lý luận cơ bản”, Tạp chí *Toà án nhân dân*, số 1, tr.16.
4. Lê Cẩm chủ biên (2004) *Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Chính phủ (2001) *Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 25/12/2001 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật*.
6. Chủ tịch Chính phủ (1945) *Sắc lệnh số 51 “Về việc ấn định thể lệ cuộc tổng tuyển cử”*, ngày 17/10/1945.
7. Chủ tịch Chính phủ (1945) *Sắc lệnh số 63 “Về việc tổ chức các Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính”*, ngày 22/11/1945.
8. Chủ tịch Chính phủ (1945) *Sắc lệnh số 77 “Về việc tổ chức chính quyền nhân dân ở các thị xã và thành phố”* ngày 21/12/1945.
9. Chủ tịch Chính phủ (1946) *Sắc lệnh số 223 trừng trị các tội hối lộ*, ngày 27/11/1946.
10. Chủ tịch Chính phủ (1946) *Sắc lệnh số 04 “Quy định về thẩm quyền và thủ tục ân xá, ân giảm, phóng thích”* ngày 28/12/1946.
11. Chủ tịch Chính phủ (1947) *Sắc lệnh số 89 “Về ân xá cho phạm nhân đã bị kết án”* ngày 03/10/1947.
12. Chủ tịch Chính phủ (1952) *Sắc lệnh số 78 “Về việc ban hành quy chế công nhân giúp việc Chính phủ”*, ngày 15/01/1952.
13. Chủ tịch Chính phủ (1953) *Sắc lệnh số 133 “Trừng trị các tội Việt gian, phản động, âm mưu, hành động phản quốc”* ngày 20/01/1953.
14. Chủ tịch Chính phủ (1953) *Sắc lệnh số 151 “Về trừng trị địa chủ chống pháp luật”* ngày 12/04/1953.

15. Nguyễn Ngọc Hòa, Lê Thị Sơn (2006) *Từ điển pháp luật hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
16. Dương Tuyết Miên (2007) *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
17. Đinh Văn Quế (2000) *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (phần chung)*, Nxb TP.Hồ Chí Minh.
18. Quốc hội (1985) *Bộ luật hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Quốc hội (1999) *Bộ luật hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Quốc hội (2012) *Bộ luật hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Quốc hội (2017) *Bộ luật hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015, được sửa đổi, bổ sung 2017*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Quốc hội (2014) *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội-2013.
23. Quốc hội (2010) *Luật Người khuyết tật 2010*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
24. Hồ Sỹ Sơn (2008) *Những hạn chế trong các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hướng khắc phục*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 16, tr.2-4, 9.
25. Tòa án nhân dân tối cao (1986) *Nghị quyết số 04/HĐTP/TANDTC/NQ ngày 29/11/1986 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự*.
26. Tòa án nhân dân Tối cao (2000) *Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/08/2000 về hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật Hình sự 1999*.
27. Tòa án nhân dân tối cao (2002) *Công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 về hướng dẫn một số vấn đề về nghiệp vụ xét xử*.

28. Tòa án nhân dân tối cao (2006) *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự.*
29. Tòa án nhân dân tối cao (2017) *Hướng dẫn 01/2017- GD-TANDTC ngày 07/4/2017 giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ.*
30. Tòa án nhân dân quận Gò Vấp (2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018) *250 Bản án hình sự.*
31. Tòa án nhân dân quận Gò Vấp (2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018) *Sổ thụ lý vụ án.*
32. Tòa án nhân dân quận Gò Vấp (2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018) *Sổ kết quả giải quyết án*
33. Trường Đại học Luật Hà Nội (2001) *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, do Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Công an nhân dân.
34. Trường Đại học Luật Hà Nội (2012) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam, tập 1*, Nxb Công an nhân dân.
35. Trường Đại học Huế (2002) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, Nxb Công an nhân dân.
36. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2012) *Giáo trình luật hình sự Việt Nam-Phần chung*, Nxb Hồng Đức.
37. Đào Trí Úc (2000) *Luật hình sự Việt Nam, quyển 1*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2005) *Pháp lệnh 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29/6/2005 Ưu đãi người có công với cách mạng.*
39. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2007) *Pháp lệnh 35/2007/PL-UBTVQH11 ngày 21/6/2007 sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.*
40. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2012) *Pháp lệnh 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.*

41. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1994) *Tội phạm học, Luật hình sự và Tổ tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Viện Ngôn ngữ học (2004) *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội.
43. Trần Thị Quang Vinh (2005) *Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.